

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ YÊN THANH










BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

QUẢNG NINH - NĂM 2024

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ YÊN THANH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Nhiệm vụ | Chữ ký |
|----|---------------------|--|--------------------------|---|
| 1 | Phan Thị Bích Huệ | Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng | Chủ tịch Hội đồng |  |
| 2 | Phạm Thị Hảo | Phó Bí thư chi bộ - Phó Hiệu trưởng | Phó chủ tịch Hội đồng |  |
| 3 | Nguyễn Thị Minh Hòa | Thư ký HĐGD | Thư ký Hội đồng |  |
| 4 | Lã Thị Phụng | CTCD, TTCM | Ủy viên Hội đồng |  |
| 5 | Nguyễn Thị Nga | Tổ trưởng CM | Ủy viên Hội đồng |  |
| 6 | Đoàn Thị Hạnh | Tổ trưởng tổ VP | Ủy viên Hội đồng | |
| 7 | Phạm Trang Hạ | Bí thư chi đoàn GV | Ủy viên Hội đồng |  |
| 8 | Ngô Hạnh Phương | Tổng PT Đội | Ủy viên Hội đồng |  |
| 9 | Nguyễn Thị Thuỳ | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 10 | Nguyễn Thị Minh | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng | |
| 11 | Trịnh Thị Bích Hằng | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |

QUẢNG NINH - NĂM 2024

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | Trang |
|---|--------------|
| MỤC LỤC | 2 |
| Danh mục các chữ viết tắt | 4 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 5 |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU | 7 |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ | 13 |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ | 13 |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ | 17 |
| I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3 | 17 |
| Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường | 17 |
| <i>Mở đầu</i> | 17 |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 18 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các Hội đồng khác | 20 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 23 |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 26 |
| Tiêu chí 1.5: Lớp học | 30 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 32 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 35 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục | 37 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 39 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 41 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i> | 43 |
| Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và HS | 44 |
| <i>Mở đầu</i> | 44 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 44 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên | 48 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên | 51 |
| Tiêu chí 2.4: Đối với HS | 54 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i> | 56 |
| Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học | 57 |
| <i>Mở đầu</i> | 57 |
| Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập | 57 |

| | |
|---|-----|
| Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng bộ môn và khối phục vụ học tập | 59 |
| Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị | 61 |
| Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 63 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị | 65 |
| Tiêu chí 3.6: Thư viện | 67 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i> | 69 |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội | 70 |
| <i>Mở đầu</i> | 70 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ HS | 70 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 73 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i> | 75 |
| Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục | 76 |
| <i>Mở đầu</i> | 76 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông | 76 |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện | 80 |
| Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định | 82 |
| Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp | 84 |
| Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho HS | 87 |
| Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục | 90 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i> | 93 |
| II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4 | 93 |
| Tiêu chí 1 | 93 |
| Tiêu chí 2 | 94 |
| Tiêu chí 3 | 95 |
| Tiêu chí 4 | 96 |
| Tiêu chí 5 | 97 |
| Tiêu chí 6 | 98 |
| PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG | 100 |
| PHẦN IV: PHỤ LỤC | 104 |

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| STT | Từ viết tắt | Từ đầy đủ |
|-----|-------------|------------------------------|
| 1 | ATGT | An toàn giao thông |
| 2 | CB | Cán bộ |
| 3 | CBQL | Cán bộ quản lý |
| 4 | CMHS | Cha mẹ học sinh |
| 5 | CNTT | Công nghệ thông tin |
| 6 | CTCĐ | Chủ tịch công đoàn |
| 7 | GDPT | Giáo dục phổ thông |
| 8 | GDĐT | Giáo dục đào tạo |
| 9 | GV | Giáo viên |
| 10 | GVDG | Giáo viên dạy giỏi |
| 11 | GVCN | Giáo viên chủ nhiệm |
| 12 | HTTNV | Hoàn thành tốt nhiệm vụ |
| 13 | HTXS NV | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ |
| 14 | HS | Học sinh |
| 15 | HSG | Học sinh giỏi |
| 16 | KHKT | Khoa học kỹ thuật |
| 17 | NV | Nhân viên |
| 18 | TDTT | Thể dục thể thao |
| 19 | THCS | Trung học cơ sở |
| 20 | THPT | Trung học phổ thông |
| 21 | TTCM | Tổ trưởng chuyên môn |
| 22 | UBND | Ủy ban nhân dân |
| 23 | TBDH | Thiết bị dạy học |

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Kết quả | | | |
|-------------------------|-----------|-------|-------|-------|
| | Không đạt | Đạt | | |
| | | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| Tiêu chuẩn 1 | | | | |
| Tiêu chí 1.1 | | x | x | x |
| Tiêu chí 1.2 | | x | x | - |
| Tiêu chí 1.3 | | x | x | x |
| Tiêu chí 1.4 | | x | x | x |
| Tiêu chí 1.5 | | x | x | x |
| Tiêu chí 1.6 | | x | x | x |
| Tiêu chí 1.7 | | x | x | - |
| Tiêu chí 1.8 | | x | x | - |
| Tiêu chí 1.9 | | x | x | - |
| Tiêu chí 1.10 | | x | x | - |
| Tiêu chuẩn 2 | | | | |
| Tiêu chí 2.1 | | x | x | x |
| Tiêu chí 2.2 | | x | x | x |
| Tiêu chí 2.3 | | x | x | x |
| Tiêu chí 2.4 | | x | x | x |
| Tiêu chuẩn 3 | | | | |
| Tiêu chí 3.1 | | x | x | x |
| Tiêu chí 3.2 | | x | x | |
| Tiêu chí 3.3 | | x | x | x |
| Tiêu chí 3.4 | | x | x | - |
| Tiêu chí 3.5 | | x | x | |

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Kết quả | | | |
|-------------------------|-----------|-------|-------|-------|
| | Không đạt | Đạt | | |
| | | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| Tiêu chí 3.6 | | x | x | |
| Tiêu chuẩn 4 | | | | |
| Tiêu chí 4.1 | | x | x | x |
| Tiêu chí 4.2 | | x | x | x |
| Tiêu chuẩn 5 | | | | |
| Tiêu chí 5.1 | | x | x | x |
| Tiêu chí 5.2 | | x | x | x |
| Tiêu chí 5.3 | | x | x | - |
| Tiêu chí 5.4 | | x | x | - |
| Tiêu chí 5.5 | | x | x | x |
| Tiêu chí 5.6 | | x | x | x |

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

| Tiêu chí | Kết quả | | Ghi chú |
|------------|---------|-----------|---------|
| | Đạt | Không đạt | |
| Tiêu chí 1 | | x | |
| Tiêu chí 2 | | x | |
| Tiêu chí 3 | | x | |
| Tiêu chí 4 | | x | |
| Tiêu chí 5 | | x | |
| Tiêu chí 6 | | x | |

Tổng hợp kết quả tự đánh giá:

- Số tiêu chí đạt Mức 1: $28/28 = 100\%$
- Số tiêu chí đạt Mức 2: $28/28 = 100\%$
- Số tiêu chí đạt Mức 3: $17/20 = 85\%$
- Số tiêu chí đạt Mức 4: $0/6 = 0\%$

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

PHẦN I: CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: **Trường THCS Yên Thanh**

Tên trước đây: **Trường THCS Yên Thanh**

Cơ quan chủ quản: **Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Uông Bí**

| | | | |
|--------------------------------|------------------|------------------------------|---|
| Tỉnh | Quảng Ninh | Họ và tên Hiệu trưởng | Phan Thị Bích Huệ |
| Thành phố | Uông Bí | Điện thoại | 0333.663.539 |
| Phường | Yên Thanh | Fax | |
| Đạt chuẩn quốc gia | 2008, 2015, 2023 | Website | http://uongbi.quangninh.edu.vn/thcsyenthanh1/ |
| Năm thành lập trường | 2004 | Số điểm trường | 0 |
| Công lập | x | Loại hình khác | |
| Tư thục | | Thuộc vùng khó khăn | |
| Trường chuyên biệt | | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | |
| Trường liên kết với nước ngoài | | | |

1. Số lớp học

| Số lớp | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 |
|-------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Khối lớp 6 | 3 | 4 | 3 | 4 | 4 |
| Khối lớp 7 | 3 | 3 | 4 | 3 | 4 |
| Khối lớp 8 | 3 | 3 | 3 | 4 | 3 |
| Khối lớp 9 | 3 | 3 | 3 | 3 | 4 |
| Cộng | 12 | 13 | 13 | 14 | 15 |

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

| TT | Số liệu | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | Ghi chú |
|------------|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|------------|
| I | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 22 | 23 | 23 | 24 | 24 | |
| 1 | <i>Phòng học</i> | 12 | 13 | 13 | 14 | 14 | |
| a | Phòng kiên cố | 12 | 13 | 13 | 14 | 14 | |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2 | <i>Phòng học bộ môn</i> | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | |
| a | Phòng kiên cố | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3 | <i>Khối phục vụ học tập</i> | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | |
| a | Phòng kiên cố | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| II | Khối phòng hành chính - quản trị | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | |
| 1 | Phòng kiên cố | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| III | Thư viện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | |
| IV | Các công trình, khối phòng chức năng khác ... | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | |
| | Cộng | 31 | 32 | 32 | 33 | 33 | |

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

| Số liệu | Tổng số | Nữ | Dân tộc | Trình độ đào tạo | | | Ghi chú |
|-----------------|-----------|-----------|-----------|------------------|-----------|------------|---------|
| | | | | Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn | |
| Hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | |
| Phó hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | |
| Giáo viên | 27 | 25 | 1 | 0 | 25 | 2 | |
| Nhân viên | 2 | 1 | 0 | 0 | 0 | 2 | |
| Cộng | 31 | 28 | 01 | 0 | 26 | 5 | |

b) Số liệu của 5 năm gần đây

| TT | Số liệu | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 |
|-----|--|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| 1 | Tổng số giáo viên | 25 | 26 | 26 | 27 | 27 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/lớp | 2,1 | 2,0 | 2,0 | 1,9 | 1,9 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/HS | 0,049 | 0,05 | 0,046 | 0,045 | 0,045 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố | 8 (Bảo lưu) | 9 | 9 (Bảo lưu) | 11 | 11 (Bảo lưu) |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh | 3 (Bảo lưu) | 3 (Bảo lưu) | 3 (Bảo lưu) | 3 (Bảo lưu) | 5 |
| ... | Các số liệu khác ... | | | | | |

4. Học sinh

a) Số liệu chung

| TT | Số liệu | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | Ghi chú |
|----|--|-------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|------------|
| 1 | Tổng số HS | 481 | 523 | 558 | 602 | 595 | |
| | - Nữ | 238 | 252 | 279 | 280 | 286 | |
| | - Dân tộc thiểu số | 05 | 06 | 07 | 07 | 09 | |
| | - Khối lớp 6 | 136 | 158 | 147 | 164 | 153 | |
| | - Khối lớp 7 | 128 | 135 | 158 | 147 | 153 | |
| | - Khối lớp 8 | 107 | 125 | 134 | 158 | 142 | |
| | - Khối lớp 9 | 110 | 105 | 119 | 132 | 148 | |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 129 | 158 | 146 | 164 | 153 | |
| 3 | Học 2 buổi/ ngày | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 4 | Bán trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| | Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 5 | Bình quân số HS/ lớp | 41 | 40 | 43 | 43 | 40 | |
| 6 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 481 100% | 523 100% | 558 100% | 602 100% | 595 100% | |
| | - Nữ | 238 100% | 252 100% | 279 100% | 280 100% | 286 100% | |
| | | - Dân tộc thiểu số | 05 100% | 06 100% | 06 100% | 07 100% | 09 100% |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| 7 | HS giỏi cấp Thành phố/Tỉnh | 14/Không tổ chức thi | 09/02 | 05/01 | 10/01 | 14/0 | |

| TT | Số liệu | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | Ghi chú |
|----|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|------------|
| 8 | HSG Quốc gia | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 9 | Tổng số HS thuộc đối tượng chính sách | 27 | 30 | 29 | 31 | 35 | |
| | - Nữ | 15 | 20 | 18 | 16 | 13 | |
| | - Dân tộc thiểu số | 1 | 0 | 2 | 2 | 0 | |
| 10 | Tổng số HS có hoàn cảnh đặc biệt | 05 | 08 | 11 | 11 | 15 | HS KT |
| 10 | Tổng số HS thuộc đối tượng chính sách | 27 | 30 | 29 | 31 | 35 | |
| | - Nữ | 15 | 20 | 18 | 16 | 13 | |
| | - Dân tộc thiểu số | 05 | 06 | 06 | 07 | 09 | |
| 11 | Các số liệu khác | | | | | | |
| | - Tổng số HS lưu ban) | 0 | 01 | 03 | 04 | 0 | |
| | - Tổng số HS tốt nghiệp THCS | 110 | 105 | 119 | 132 | 148 | |

b) Kết quả giáo dục

| Số liệu | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | Ghi chú |
|--|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------------|
| Tỷ lệ HS xếp loại Giỏi/Tốt | 20,4% | 23,7% | 20,9% | 14,2% | 18,5% | |
| Tỷ lệ HS xếp loại khá | 42,6% | 40% | 44,4% | 43,7% | 41,2% | |
| Tỷ lệ HS xếp loại yếu kém | 0% | 0,2% | 0,6% | 0,7% | 2,9% | Chưa kiểm tra lại |
| Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm tốt | 67,2% | 78,6% | 78,5% | 77,2% | 76,2% | |
| Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm khá | 32% | 20,3% | 19,5% | 20,1% | 21,2% | |
| Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm trung bình | 0,6% | 1,2% | 2% | 2,7% | 2,6% | |

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

1.1. Quá trình thành lập và phát triển

Trường THCS Yên Thanh được thành lập ngày 09/8/2004 theo quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2004 của UBND thị xã Uông Bí nay là thành phố Uông Bí. Trường thuộc địa bàn Phường Yên Thanh, là phường giàu truyền thống cách mạng, nhân dân có tinh thần hiếu học, cần cù lao động.

Tuy là trường thành lập muộn nhất trong khối THCS của thành phố nhưng bằng sự quyết tâm, vượt qua nhiều khó khăn vất vả, nhà trường và các thầy cô giáo đã đạt được nhiều danh hiệu thi đua như: Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc được UBND thành phố và UBND tỉnh tặng khen. Trường có nhiều thế hệ nhà giáo đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, huyện và thành phố. Các thế hệ HS cũng không ngừng thi đua học tập và đạt giải cao trong các kì thi HS giỏi cấp tỉnh, cấp thành phố. Tham gia tích cực và đạt huy chương vàng, bạc, nhất, nhì trong các cuộc thi văn nghệ - thể thao do Tỉnh và Thành phố tổ chức. Đến nay, nhà trường đã có nhiều thế hệ HS trưởng thành và công tác tại các ngành nghề góp phần xây dựng xã hội giàu đẹp văn minh.

Tiếp tục duy trì truyền thống nhà trường, tập thể CB, GV, NV đã không ngừng phấn đấu vươn lên cùng nhau thi đua dạy tốt, học tốt, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao, tạo niềm tin cho nhân dân, góp phần xây dựng quê hương ngày một giàu đẹp.

1.2. Đội ngũ

Trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhiệt tình, yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm, có trình độ chuyên môn, phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, lối sống giản dị và đặc biệt là có sự đoàn kết, nhất trí cao.

Năm học 2023-2024 nhà trường có tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 33, gồm 04 nam và 29 nữ, tuổi từ 25 đến 56. Nhà trường có 02 tổ chuyên môn gồm: tổ Khoa học Tự nhiên và tổ Khoa học Xã hội.

Về trình độ đào tạo: Căn cứ theo Luật giáo dục số 43/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 14/06/2019, nhà trường có 100% cán bộ giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn (trong đó Thạc sĩ: 03; Đại học: 28; Cao đẳng: 0; Trung cấp: 0; 100% cán bộ, giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp từ khá trở trên.

Tỷ lệ giáo viên dạy giỏi cấp trường hàng năm luôn duy trì đạt từ 90% đến 100%, cấp thành phố 40%; cấp tỉnh 18,5%; tỷ lệ GVCN giỏi cấp thành phố 33,3%, nhiều thầy cô giáo đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, được nhận

Giấy khen của UBND Thành phố, Giấy khen của Sở GDĐT, Bằng khen của UBND Tỉnh Quảng Ninh.

Về phẩm chất chính trị: 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống trong sáng, lành mạnh, luôn gương mẫu thực hiện chính sách và pháp luật.

1.3. Cơ sở vật chất

Trường THCS Yên Thanh có tổng diện tích đất là: 9609,5 m². Diện tích theo đầu HS: 15,96m²/HS; trường có cổng, tường bao, biển tên trường đủ, đúng theo quy cách, đủ phòng học, phòng chức năng, sân chơi, bãi tập cho HS, đủ phòng làm việc, sinh hoạt cho cán bộ, giáo viên.

Từ khi thành lập cho đến nay nhà trường luôn nhận được sự quan tâm sâu sắc của các cấp lãnh đạo UBND Thành phố Ưông Bí, Phòng GDĐT Ưông Bí cùng với Đảng bộ và chính quyền phường Yên Thanh đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường ngày càng khang trang và hoàn thiện đáp ứng tốt cho hoạt động dạy và học của nhà trường.

1.4. Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường

Trường có chi bộ Đảng gồm 26 đảng viên sinh hoạt trực thuộc Đảng bộ phường Yên Thanh. Nhiều năm liền Chi bộ đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh.

Công đoàn nhà trường có 100% cán bộ giáo viên tham gia. Hằng năm Công đoàn nhà trường đạt Công đoàn vững mạnh.

Liên đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh nhà trường liên tục đạt danh hiệu Liên đội vững mạnh cấp thành phố, cấp tỉnh.

1.5. Về các hoạt động giáo dục

Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng, đủ kế hoạch thời gian năm học và nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ; việc đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh, bên cạnh đó việc ứng dụng CNTT trong đổi mới phương pháp dạy học và quản lý cũng được chú trọng và đầu tư thêm các TBDH cho các phòng học ứng dụng CNTT. Để nâng cao chất lượng giáo dục, nhà trường đã tập trung cho việc phụ đạo HS yếu kém; bồi dưỡng HS giỏi; giãn thời gian với các nội dung dài, khó dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn; tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động văn nghệ, thể thao, và các hình thức câu lạc bộ, ngoại khóa phù hợp với đối tượng HS, do đó đã tạo nên những chuyển biến khá mạnh mẽ về chất lượng: Không có HS bỏ học; tỷ lệ HS lên lớp thẳng, HS giỏi, HS tiên tiến hàng năm đều tăng; tỉ lệ HS đạt giải trong các kỳ thi HS giỏi và tỉ lệ HS thi đỗ vào THPT tăng.

Nhà trường cũng thực hiện tốt việc phối hợp ba môi trường giáo dục gia đình - nhà trường - xã hội trong quá trình giáo dục nên trong những năm học vừa qua không có HS vi phạm các hành vi HS không được làm, vi phạm pháp luật.

1.6. Về quản lý tài chính - tài sản

Nhà trường thực hiện theo các văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước. Tất cả các nguồn tài chính, tài sản được quản lý, sử dụng một cách hiệu quả, đúng mục đích, theo nguyên tắc công bằng, minh bạch và công khai trên cơ sở Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản nhà trường.

2. Mục đích tự đánh giá

- Thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Quảng Ninh, Phòng GDĐT thành phố Uông Bí về công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục đối với trường THCS.

- Là cơ sở để các cấp chính quyền, cơ quan quản lý giáo dục và xã hội thực hiện việc giám sát, hỗ trợ nhà trường duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Thông qua tự đánh giá nhà trường làm rõ thực trạng về quy mô, chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục; xác định và so sánh theo các tiêu chuẩn của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường THCS; công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của mình. Từ đó, nhà trường xác định rõ tầm nhìn, các điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức và lập kế hoạch cải tiến chất lượng, đề xuất các chiến lược, biện pháp nhằm từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học của nhà trường trong thời gian tới; tiếp tục kiến nghị với địa phương, với các cấp lãnh đạo chỉ đạo, giúp đỡ nhà trường thực hiện các biện pháp để không ngừng mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

- Đề nghị Sở GDĐT Quảng Ninh thành lập đoàn đánh giá ngoài, kiểm tra, công nhận nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục, công nhận đạt chuẩn quốc gia, qua đó thúc đẩy tập thể CB, GV, NV, HS trong toàn trường tiếp tục nỗ lực phấn đấu góp phần không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã thực hiện đảm bảo quy trình phương pháp và công cụ tự đánh giá của trường trung học.

** Về quy trình tự đánh giá:*

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
5. Viết báo cáo tự đánh giá.
6. Công bố báo cáo tự đánh giá.
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

** Về phương pháp tự đánh giá:*

- Phương pháp nghiên cứu lý luận: nghiên cứu các chỉ thị, quyết định của Bộ GDĐT về công tác kiểm định chất lượng và tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường THCS.

- Phương pháp giảng giải, thuyết trình: giảng giải, thuyết trình các nội dung trong quá trình tự đánh giá.

- Phương pháp điều tra, khảo sát, điều tra, phỏng vấn những người có liên quan.

- Phương pháp thảo luận: trao đổi, bàn bạc các nội dung tự đánh giá.

- Phương pháp thống kê toán học: thống kê các số liệu về các nội dung phục vụ cho công tác tự đánh giá.

- Phương pháp phân tích: tiến hành xử lý các thông tin, minh chứng xác định nguồn gốc, tính chính xác của các thông tin minh chứng.

- Phương pháp tự luận: viết báo cáo tự đánh giá.

** Về công cụ đánh giá:*

- Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ GDĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Công văn số 5932/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 28/12/2018 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông;

- Công văn số 3106/HD-SGDĐT ngày 23/11/2018 của Sở GDĐT Quảng Ninh V/v thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận chuẩn Quốc gia theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018, số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018, số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ GDĐT ban hành;

- Công văn 1816/SGDĐT-GDTrH ngày 26/7/2019 của Sở GDĐT Quảng Ninh V/v hướng dẫn xác định nội hàm, gợi ý minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá, tự đánh giá và đánh giá ngoài, công nhận đạt Chuẩn quốc gia trường trung học từ năm học 2021-2023;

- Thông tư 56/2021/TT-BTC hướng dẫn nội dung chi, mức chi cho hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục thường xuyên;

- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 29/2021/TT-BGDĐT quy định ngưng hiệu lực quy định về chuẩn trình độ đào tạo của nhà giáo tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

- Danh sách mô tả các nội hàm và gợi ý tìm minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá.

** Những vấn đề nổi bật trong hoạt động Tự đánh giá:*

Thực hiện quá trình tự đánh giá, nhà trường đã hoàn thành việc so sánh đối chiếu những kết quả đã đạt được của nhà trường với những yêu cầu trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường THCS. Toàn bộ đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường đã hoàn thành bản báo cáo tự đánh giá. Thông qua quá trình tự đánh giá, đối chiếu với các tiêu chuẩn đề ra, những mặt mạnh nổi bật và những mặt còn hạn chế của nhà trường đã bộc lộ một cách rõ ràng. Từ đó, nhà trường xây dựng biện pháp cải tiến chất lượng cho từng nội dung hoạt động trong giai đoạn tiếp theo.

Những mặt mạnh nổi bật: Trường THCS Yên Thanh luôn có một đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên năng động, sáng tạo, nhiệt tình với công việc, tâm huyết với nghề nghiệp, chuyên môn tay nghề khá vững vàng, có tinh thần đoàn kết, học hỏi, giúp đỡ nhau trong công tác và đời sống. Đây chính là yếu tố tiên quyết tạo nên thành công trong công tác giáo dục, tạo nên chất lượng giáo dục vững mạnh của nhà trường trong những năm qua. Nhà trường cũng luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo, động viên tinh thần và tạo điều kiện về cơ sở vật chất của các cấp chính quyền, các ban ngành đoàn thể, địa phương, của CMHS... Vì vậy, nhà trường đã xây dựng được một hệ thống trường, lớp, thoáng mát khang trang với cơ sở vật chất, TBDH đầy đủ. Do đó, việc thực hiện phong trào thi đua trong nhà trường ngày càng được đẩy mạnh, chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao. Chất lượng giáo dục toàn diện luôn là điểm mạnh nổi bật của nhà trường. Cùng với đó chất lượng giáo dục mũi nhọn, hàng năm đã có sự phát triển năm sau cao hơn năm trước. Các bản thành tích, bằng khen của mỗi HS của mỗi cán bộ giáo viên của tập thể nhà trường là minh chứng cho chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường trong những năm qua.

Quá trình tự đánh giá là một cơ hội để nhà trường nhìn lại chặng đường đã qua; thấy rõ được sự trưởng thành và phát triển, để tập thể cán bộ, giáo viên trong trường phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm còn tồn tại. Thực hiện tự đánh giá chất lượng trường THCS, đã góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục của trường cũng như của ngành và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhà trường đã đề ra.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu: Trường THCS Yên Thanh có đủ cơ cấu về các tổ chức Đảng, Chính quyền, Đoàn thể, tổ chuyên môn, tổ văn phòng, hệ thống lớp học và được tổ chức, quản lý theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học ban hành theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 (sau đây gọi tắt là Điều lệ trường trung học), trường có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Các tổ chuyên môn được thành lập và hoạt động có nền nếp, TTCM là những giáo viên có kinh nghiệm trong việc điều hành công tác, hoạt động của tổ chuyên môn là nền tảng thúc đẩy và góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường. Trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, ban đại diện cha mẹ HS. Các tổ chức trong nhà trường hoạt động đúng chức năng và nhiệm vụ theo quy định của Bộ GDĐT. Các hoạt động giáo dục được hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện và kiểm tra theo Điều lệ trường trung học và quy chế của Bộ GDĐT để kịp chấn chỉnh và cải tiến các biện pháp quản lý hiệu quả hơn. Công tác quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường Hàng năm diễn ra đúng hướng chỉ đạo của Cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương và của Ngành Giáo dục. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp. Thực hiện đầy đủ các phong trào thi đua do ngành, địa phương tổ chức. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản của nhà trường theo đúng quy định. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho HS và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong và ngoài nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a. Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b. Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c. Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo;

Mức 2: Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), CBQL, GV, NV, HS, CMHS và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm 2020, nhà trường xây dựng và triển khai "Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025" (Kế hoạch số 100/KH-THCSYT ngày 30 tháng 12 năm 2020) với sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Nội dung chiến lược phát triển của nhà trường thể hiện thực trạng giáo dục, những thành tựu đã đạt được, cơ hội và thách thức, các mục tiêu phát triển giai đoạn 2021-2025, tập trung vào các vấn đề: nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá; tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp chương trình GDPT 2006 và 2018; giữ vững và từng bước nâng cao chất lượng mũi nhọn; tham mưu xây dựng cơ sở vật chất nhà trường; Phương hướng chiến lược của nhà trường phù hợp các nguồn lực của nhà trường bao gồm: nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2021-2025 [H1-1.1-01].

Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường đã được phòng GDĐT Ưông Bí phê duyệt theo Quyết định số 139/QĐ-PGDĐT ngày 09 tháng 02 năm 2021 [H1-1.1-01].

Các văn bản phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đã được phòng GDĐT Ưông Bí phê duyệt, được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học [H1-1.1-02], trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ phường [H1-1.1-03], trong sở nghị quyết Hội đồng nhà trường, Hội đồng trường [H1-1.1-04] và được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại bảng công khai và trên trang Website nhà trường [H1.1.1-05].

([link:https://docs.google.com/viewer?url=http://uongbi.quangninh.edu.vn//Store/Document/195/2021/06/04/ke-hoach-chien-luoc-phat-trien-nha-truong-giai-doan-2021-2025-202106041503.pdf&embedded=true](https://docs.google.com/viewer?url=http://uongbi.quangninh.edu.vn//Store/Document/195/2021/06/04/ke-hoach-chien-luoc-phat-trien-nha-truong-giai-doan-2021-2025-202106041503.pdf&embedded=true))

Mức 2:

Nhà trường đã có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển hiệu quả, khi Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường được phê duyệt, nhà trường đã cụ thể hóa triển khai thực hiện trong nhiệm vụ giáo dục, trong Kế hoạch phát triển giáo dục nhà trường từng năm học. Sau mỗi học kỳ và năm học có đánh giá các nội dung thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển trong các báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm của nhà trường [H1-1.1-02]. Trong các phiên họp thường kỳ, Hội đồng trường THCS Yên Thanh có thực hiện rà soát, đối chiếu, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu trong Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường nhằm chỉ đạo nhà trường

bám sát nội dung định hướng của chiến lược để triển khai thực hiện hàng năm đảm bảo tập trung nguồn lực để phát triển tiềm năng vốn có của trường, huy động sức mạnh của tập thể, cùng đoàn kết thống nhất khắc phục khó khăn để hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra trong Kế hoạch. Các cơ quan quản lý cấp trên giám sát, việc thực hiện thông qua các thông báo kết luận kiểm tra, thanh tra hàng năm [H1-1.1-06].

Mức 3:

Nhà trường rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển cho sát với tình hình thực tế của nhà trường [H1-1.1-07]. Từ ngày 08/8/2023, kế hoạch tập trung vào đổi mới công tác quản lý; đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá trên cơ sở chương trình GDPT 2006 và 2018. Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển đều có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, CBQL, GV, NV, HS, CMHS và cộng đồng được cấp trên phê duyệt (*Kế hoạch số 05/KH-THCSYT ngày 09/8/2023 bổ sung điều chỉnh phương hướng chiến lược và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025*) [H1-1.1-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phương hướng chiến lược phù hợp với mục tiêu GDPT được quy định tại Luật giáo dục và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với nguồn lực của nhà trường, được Phòng GDĐT Ưông Bí phê duyệt và được thông qua trong Nghị quyết của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và các văn bản triển khai thực hiện của UBND phường Yên Thanh. Chiến lược phát triển của nhà trường được tổ chức lấy ý kiến và niêm yết công khai tại nhà trường; định kỳ rà soát, giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường tại kì họp của Hội đồng Trường.

3. Điểm yếu

Các hình thức tuyên truyền, phổ biến chiến lược phát triển của nhà trường tới nhân dân địa phương chưa phong phú và hiệu quả nên một bộ phận CMHS chưa thật sự quan tâm đến chiến lược phát triển của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|---|---------------------------------|---|---------------------|----------------|
| Phối hợp với UBND phường Yên Thanh, các khu dân cư của phường thực hiện phát thanh các nội dung cơ bản của Kế | Hiệu trưởng; Thư ký Hội đồng | Phù hợp với nội dung quy chế phối hợp giữa UBND phường và | Tháng 9 hàng năm | Không |

| | | | | |
|--|--------------------------------------|-------------------------------|--------------------------|-------|
| hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường (2021-2025) trên hệ thống phát thanh của khu, phường. | | nhà trường | | |
| Sử dụng đa dạng các hình thức công khai Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường qua công thông tin điện tử nhà trường, thư điện tử cá nhân và một số website, trang mạng xã hội, ... | Hiệu trưởng; GVCN, phụ trách CNTT | Phù hợp với tình hình thực tế | Từ đầu năm học 2024-2025 | Không |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a. Được thành lập theo quy định;*
- b. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c. Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường THCS Yên Thanh nhiệm kỳ 2021-2026 được thành lập theo Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của UBND thành phố Uông Bí gồm 11 thành viên, do đồng chí Phan Thị Bích Huệ - Hiệu trưởng nhà trường làm Chủ tịch. Các thành viên của Hội đồng trường đáp ứng quy định tại khoản b, Điều 10, Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học [H2-1.2-01]. Vào đầu năm học, nhà trường đã thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng; Các Hội đồng tư vấn gồm: Hội đồng tuyển sinh vào lớp 6; Hội đồng thi Giáo viên dạy giỏi, GVCN giỏi cấp trường; Hội đồng xét tốt nghiệp,... cũng được thành lập khi thực hiện nhiệm vụ năm học [H2-1.2-01].

Hội đồng trường THCS Yên Thanh hoạt động theo điểm d và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo điểm c, Điều 10 Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học: Quyết định về chiến lược, tầm nhìn, kế hoạch, mục tiêu phát triển nhà trường, các dự án trong từng giai đoạn

và từng năm học; quyết định về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; phê duyệt kế hoạch giáo dục của nhà trường; giám sát hoạt động tuyển sinh và việc tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch giáo dục của nhà trường; giám sát việc thực hiện các quyết định của hội đồng trường và việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực của nhà trường theo quy định của pháp luật [H2-1.2-02]. Các Hội đồng tư vấn khác do Hiệu trưởng thành lập theo yêu cầu cụ thể từng công việc luôn được duy trì có hiệu quả, tổ chức tốt các cuộc thi cho GV, HS là động lực để GV, HS phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ. Từ năm học 2021-2023 nhà trường thành lập Hội đồng chọn Sách giáo khoa thực hiện đúng theo Thông Tư 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GD&ĐT quy định lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2023-2024 thực hiện theo Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) quy định việc lựa chọn sách giáo khoa (SGK) trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Trong các cuộc họp sơ kết, tổng kết năm học, chi bộ Đảng, nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá hoạt động của Hội đồng trường và các Hội đồng khác xác định các công việc đã thực hiện tốt, những nội dung thực hiện chưa tốt, từ đó xác định các nguyên nhân và kịp thời điều chỉnh các biện pháp, hoạt động của các Hội đồng nhằm phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của các Hội đồng, được các cơ quan chức năng định kỳ rà soát, đánh giá, thể hiện trong các biên bản kiểm tra [H1-1.1-06].

Mức 2:

Tất cả các hội đồng được thành lập trong nhà trường đều thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, duy trì khối đoàn kết nội bộ. Tuy nhiên, nội dung hoạt động của Hội đồng trường chưa nhiều mà chủ yếu gắn ghép theo các hoạt động của hội đồng sư phạm nhà trường [H1-1.1-02]; [H2-1.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hội đồng trường, hội đồng thi đua khen thưởng và các hội đồng tư vấn được thành lập đảm bảo cơ cấu, số lượng theo đúng các quy định. Các hội đồng thực hiện khá tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; có cập nhật thường xuyên và tổ chức rà soát điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục của đơn vị.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có biện pháp hiệu quả nhằm phát huy năng lực của một số thành viên trong Hội đồng trường (với các thành viên có nhiệm vụ kiêm nhiệm), các thành viên trong hội đồng trường chưa phát huy hết năng lực, vì vậy chưa huy động tối đa sức mạnh của tập thể, do biến động về nhân sự và hoạt động kiêm nhiệm một số thành viên trong các Hội đồng thực hiện nhiệm vụ chưa đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|--|--|---|---------------------|----------------|
| Xây dựng, điều chỉnh chi tiết Quy chế hoạt động của Hội đồng trường, phân công rõ công việc, trách nhiệm các thành viên. | Chủ tịch Hội đồng trường | Phù hợp với quy định, năng lực của các thành viên | Định kỳ Hàng năm | Không |
| Tổ chức nghiêm túc các cuộc họp, thực hiện đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng trường và các Hội đồng khác. | Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng | Phù hợp với Kế hoạch công tác của nhà trường | 3 tháng /lần | Không |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a. Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b. Hoạt động theo quy định;

c. Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b. Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b. Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các tổ chức Công đoàn, Chi đoàn giáo viên, Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh được thành lập theo đúng quy định. Công đoàn có Ban chấp hành công đoàn gồm 01 bí thư, 01 phó bí thư và 01 ủy viên; Đội thiếu niên nhà trường có 01 Tổng phụ trách do phòng GDĐT ra quyết định bổ nhiệm; Đồng chí phụ trách Hội khuyến học, chữ thập đỏ của nhà trường là thành viên của Hội khuyến học, chữ thập đỏ của phường Yên Thanh **[H3-1.3-01]**.

Các tổ chức đoàn thể có trong nhà trường đều hoạt động đúng quy định của pháp luật hoặc theo điều lệ của tổ chức đó. Tổ chức Công đoàn tích cực phối hợp với lãnh đạo nhà trường tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ, tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức; vận động đoàn viên công đoàn tham gia phong trào thi đua; phát triển công đoàn viên, xây dựng Công đoàn cơ sở vững mạnh **[H3-1.3-02]**. Tổ chức Đội hoạt động theo Điều lệ Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh **[H3-1.3-03]**. Chi đoàn giáo viên hoạt động theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên giáo viên; **[H3-1.3-04]**; Hội Chữ thập đỏ, hội Khuyến học của trường kết hợp với Hội Chữ thập đỏ, hội Khuyến học phường Yên Thanh và nhà trường quyên góp ủng hộ quần áo, sách vở, đồ dùng học tập để giúp cho học sinh nghèo. những học sinh có thành tích cao trong học tập **[H3-1.3-05]**.

Hàng năm, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đều tổ chức tổng kết rà soát, đánh giá tình hình và đề xuất phương hướng hoạt động cho năm học mới **[H1-1.1-02]**.

Mức 2:

Chi bộ trường THCS Yên Thanh trực thuộc Đảng ủy phường Yên Thanh, Chi bộ hiện có 26 đảng viên. Về cơ cấu tổ chức Ban chi ủy nhà trường được Đảng ủy phường Yên Thanh chuẩn y theo Quyết định số 78-QĐ/ĐU ngày 06/7/2023 gồm 05 đồng chí: 01 Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng nhà trường, 01 phó bí thư là Phó hiệu trưởng nhà trường và 03 ủy viên là TTCM, giáo viên nhà trường **[H3-1.3-06]**. Chi bộ nhà trường hoạt động theo quy định trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thông qua các kì đại hội chi bộ trường đánh giá tình hình và kết quả thực hiện nghị quyết đại hội chi bộ, nhiệm vụ các nhiệm kỳ đồng thời đề ra phương hướng nhiệm vụ cho nhiệm kỳ mới thể hiện rõ trong các nghị quyết **[H1-1.1-02]**. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ **[H3-1.3-07]**.

Chi bộ thực hiện tốt chức năng lãnh đạo chính quyền và các tổ chức đoàn thể thực hiện nhiệm vụ chính trị đạt hiệu quả. Các đoàn thể trong nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức, thực hiện họp hàng tháng để đánh giá kết quả thực hiện, rà soát, đánh giá các hoạt động qua từng học kỳ, từng năm học nhằm rút kinh nghiệm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ phù hợp với từng thời điểm. Các tổ chức đoàn thể có đóng góp tích cực vào các hoạt

động giáo dục của nhà trường, góp phần thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương [H3-1.3-07]; [H1-1.1-02].

Mức 3:

Hàng năm các cơ quan chức năng nhận xét đánh giá về việc thực hiện các hoạt động của tổ chức Đảng trong nhà trường [H3-1.3-08]. Trong 5 năm qua chi bộ nhà trường luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, (trong đó năm 2020 và 2021 chi bộ được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ) [H3-1.3-09].

Các tổ chức Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội luôn thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ của mình. Công đoàn có nhiều hoạt động phong phú, đáp ứng nhu cầu, quyền lợi của tập thể như: chăm lo đời sống công đoàn viên tham gia tốt các phong trào của ngành và chỉ đạo của Liên đoàn lao động thành phố Uông Bí, phối hợp với chuyên môn tuyên truyền thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của trường. Liên đội tổ chức các hoạt động giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng, vận động và tạo điều kiện tốt cho đội viên HS, tích cực tham gia các hoạt động của hội đồng đội các cấp, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của nhà trường [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường được thành lập đúng quy định tại Điều lệ trường trung học và các quy định khác của Bộ GDĐT.

Chi bộ Đảng thực hiện tốt vai trò lãnh đạo toàn diện nhà trường. Hoạt động của các tổ chức đoàn thể nề nếp, hiệu quả theo đúng quy định tại Điều lệ trường Trung học và các quy định của pháp luật, định kỳ rà soát, đánh giá kết quả hoạt động, góp phần tích cực trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường.

Trong 05 năm liên tục, Chi bộ được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, có 2 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Các tổ chức Công đoàn, Đội thiếu niên nhiều năm liền hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được nhận Giấy khen của UBND Phường, Liên đoàn lao động thành phố, Hội đồng Đội thành phố, Hội đồng Đội tỉnh.

3. Điểm yếu

Chi đoàn thanh niên hoạt động chưa sôi nổi, chưa có nhiều hoạt động thu hút được thanh thiếu niên do lực lượng đoàn viên giáo viên ít (03 đồng chí).

Việc khen thưởng của tổ chức Công đoàn bằng vật chất còn khiêm tốn, chưa đủ mạnh để khích lệ giáo viên tham gia thi đua.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian | Nguồn kinh phí |
|--------------------------------|------------------------|-------------------------------|------------------|-----------------------|
| | | | | |

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian | Nguồn kinh phí |
|--|--|--|--------------------------|-----------------------|
| Cải tiến nội dung sinh hoạt chi đoàn. Huy động HS lớp 9 đã trưởng thành đội cùng tham gia hoạt động. | Bí thư đoàn thanh niên, tổng phụ trách Đội, GVCN | Phù hợp với KH hoạt động của Đoàn phường Yên Thanh | Từ đầu năm học 2024-2024 | Không |
| Tham mưu, đề xuất ý kiến, huy động nguồn xã hội hoá để thúc đẩy phong trào thi đua. | CTCĐ | Phù hợp với tình hình nhà trường | Từ đầu năm học 2024-2024 | Không |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a. Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a.) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b. Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a. Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b. Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 hiệu trưởng 01 phó hiệu trưởng (theo đúng quy định của trường hạng hai theo Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ GDĐT ngày 23 tháng 8 năm 2006) do Chủ tịch UBND thành phố ra quyết định bổ nhiệm [H4-1.4-01].

Hiệu trưởng: Phan Thị Bích Huệ

| Năm học | Trình độ chuyên môn | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý | Thời gian công tác (năm) | Quyết định bổ nhiệm |
|-----------|---------------------|----------------------------|------------------|--------------------------|---|
| 2019-2020 | Đại học | Trung cấp | Thạc sĩ | 25 | Số: 7930/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Uông Bí |
| 2020-2021 | Đại học | Trung cấp | Thạc sĩ | 26 | |
| 2021-2022 | Đại học | Trung cấp | Thạc sĩ | 27 | |
| 2022-2023 | Đại học | Trung cấp | Thạc sĩ | 28 | Số: 14477/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Uông Bí |
| 2023-2024 | Đại học | Trung cấp | Thạc sĩ | 28 | |

Phó hiệu trưởng: Phạm Thị Hảo

| Năm học | Trình độ chuyên môn | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý | Thời gian công tác (năm) | Quyết định bổ nhiệm |
|-----------|---------------------|----------------------------|------------------|--------------------------|---|
| 2019-2020 | Đại học | Trung cấp | Chứng chỉ | 20 | Số: 2777/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Uông Bí |
| 2020-2021 | Đại học | Trung cấp | Chứng chỉ | 21 | |
| 2021-2022 | Đại học | Trung cấp | Chứng chỉ | 22 | |
| 2022-2023 | Đại học | Trung cấp | Chứng chỉ | 23 | Số: 2569/QĐ-UBND ngày 18/5/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Uông Bí |
| 2023-2024 | Đại học | Trung cấp | Chứng chỉ | 24 | |

Hàng năm Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó theo cơ cấu tổ chức tại Điều 14, 15 Điều lệ trường THCS ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT [H4-1.4-02]. Hiện nhà trường có 02 tổ chuyên môn là tổ Tự nhiên và tổ Xã hội với cơ cấu tổ chức gồm: 01 tổ trưởng, 01 tổ phó và các thành viên còn lại là tổ viên, 01 tổ Văn phòng có 01 tổ trưởng và các tổ viên [H4-1.4-02].

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ có sự phê duyệt của lãnh đạo nhà trường [H4-1.4-03]. Hàng tháng, các tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt 2 lần, thực hiện việc hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường. Tổ chuyên

môn xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho các thành viên trong tổ, xây dựng chuyên đề bồi dưỡng đội ngũ, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, đánh giá, xếp loại các thành viên của tổ theo quy định của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học và các quy định hiện hành [H4-1.4-03]. Tổ Văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo đúng quy định. Tổ Văn phòng sinh hoạt 2 lần/tháng hoặc đột xuất khi có nhu cầu công việc [H4-1.4-03]. Hằng năm, tổ chuyên môn có đánh giá, xếp loại các thành viên của tổ theo quy định của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học và các quy định hiện hành khác, tổ văn phòng tham gia vào đánh giá, xếp loại viên chức [H4-1.4-04]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-04]; [H1-1.1-06].

Mức 2:

Hằng năm, các tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được từ 01 đến 02 chuyên đề, ngoại khóa cấp trường, cụm trường, cấp thành phố. Các chuyên đề tập trung vào tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục; Đổi mới phương pháp dạy học; Đổi mới kiểm tra đánh giá; ứng dụng CNTT trong dạy học, ... theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Qua mỗi Hội nghị chuyên đề đã nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, giúp giáo viên bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ ngày càng có chiều sâu đáp ứng chương trình phổ thông 2018 và phát triển phẩm chất năng lực cho học sinh [H4-1.4-05]; [H4-1.4-06].

Tại các buổi sinh hoạt định kỳ, các tổ chuyên môn đã thực hiện cải tiến hình thức sinh hoạt tổ, thực hiện sinh hoạt chuyên môn dựa trên “nghiên cứu bài học”, sinh hoạt chuyên môn liên trường. Hằng tháng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của tổ, thực hiện bổ sung, điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế [H4-1.4-03].

Mức 3:

Tổ chuyên môn phát huy vai trò hoạt động chuyên môn, nhân rộng hiệu quả các chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Sau mỗi chuyên đề thực hiện, hoạt động dạy và học có sự chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Tổ văn phòng thực hiện công tác văn thư, nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản, thông kê và bảo vệ trong nhà trường theo quy định. Nhà trường đánh giá thành tích và công nhận danh hiệu thi đua của tổ thông qua các cuộc họp hội đồng giáo dục và hội đồng trường. Trong các đợt kiểm tra thực hiện nhiệm vụ năm học của phòng GDĐT, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng được đánh giá, nhận xét toàn diện [H4-1.4-07]; [H1-1.1-06].

Thông qua các chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong dạy và học, các chuyên đề đã góp phần nâng cao năng lực, kỹ năng cho học sinh, chất lượng giáo dục được cải thiện, các chuyên đề của 2 tổ đã đóng góp tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục của học sinh được đánh giá kết quả trong báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường [H4-1.4-07]; [H1-1.1-02].

Tuy nhiên, việc cải tiến hình thức sinh hoạt chuyên môn của các tổ chuyên môn đạt hiệu quả chưa cao, số lần thực hiện sinh hoạt chuyên môn dựa trên “nghiên cứu bài học” chưa nhiều.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo quy định. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức và thực hiện nhiệm vụ theo đúng chức năng quy định. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã bám sát các văn bản chỉ đạo của ngành, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường và tình hình thực tế của tổ, chủ động xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch từng học kì, từng tháng và thực hiện tốt các nhiệm vụ đề ra, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường

Các thành viên của tổ văn phòng nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Hình thức các buổi sinh hoạt tổ chuyên môn chưa phong phú, việc cải tiến hình thức sinh hoạt chuyên môn đôi khi còn chưa linh hoạt. Chất lượng một số buổi sinh hoạt chuyên môn chưa tốt, còn mang tính hình thức.

Hoạt động sinh hoạt của tổ văn phòng chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|---|---|--|--------------------------|----------------|
| Duy trì sinh hoạt định kì theo kế hoạch. | Tổ trưởng tổ chuyên môn và tổ văn phòng | Tổ trưởng xây dựng kế hoạch chi tiết về thời gian, nội dung. | Từ tháng 8/2024 | Không |
| Đổi mới hình thức các buổi sinh hoạt chuyên môn, tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, chuyên đề các cấp,... | Tổ trưởng các tổ chuyên môn | Phù hợp với kế hoạch giáo dục và điều kiện nhà trường | Từ đầu năm học 2024-2024 | Không |

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|--|---|-------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| Kiểm tra nội bộ; dự giờ sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn | Ban kiểm tra nội bộ nhà trường | Bố trí thời gian phù hợp | Hàng tháng trong năm học | Không |
| Bồi dưỡng chuyên môn cho toàn bộ giáo viên nhà trường về "đổi mới phương pháp dạy học và chương trình GDTP 2018" | Phó hiệu trưởng chủ trì, TTCM, GV thực hiện | Mời 01 chuyên gia | Đầu mỗi năm học | Dự kiến 5 triệu đồng |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a. Có đủ các lớp của cấp học;*
- b. HS được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c. Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số HS trong lớp đảm bảo theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp THCS có không quá 40 (bốn mươi) HS, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) HS.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong chu kỳ tự đánh giá, trường THCS Yên Thanh có đủ các khối lớp học 6,7,8,9.

| Số lớp học | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 |
|-------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Khối lớp 6 | 3 | 4 | 3 | 4 | 4 |
| Khối lớp 7 | 3 | 3 | 4 | 3 | 4 |
| Khối lớp 8 | 3 | 3 | 3 | 4 | 3 |
| Khối lớp 9 | 3 | 3 | 3 | 3 | 4 |
| Cộng | 12 | 13 | 13 | 14 | 15 |

Mỗi lớp đều có 01 lớp trưởng, 02 lớp phó do tập thể lớp bầu vào đầu năm học; mỗi lớp được chia thành 3-4 tổ; có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó do HS trong tổ bầu ra theo Điều 16 Điều lệ trường trung học (Thông tư số 32/2020/TT- BGDĐT ngày 15/9/2020). Các thông tin về sĩ số, tổ chức lớp học được ghi chép, lưu giữ đầy đủ trong Sổ đăng bộ, Sổ chủ nhiệm, Sổ gọi tên ghi điểm, được đánh giá trong báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường [H5-1.5-01]; [H5-1.5-02]; [H5-1.5-03].

HS trong lớp có quyền dân chủ bình bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó, đăng ký thi đua của lớp và cá nhân mỗi đầu năm học. Dựa trên kết quả bầu chọn cán bộ lớp, GVCN phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ lớp xây dựng lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ [H5-1.5-02]; [H5-1.5-03]. Hàng năm, nhà trường tổng hợp thông tin các lớp về theo từng năm học (danh sách họ và tên GVCN, họ và tên lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó) [H5-1.5-04].

Mức 2:

| | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 |
|------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| - Khối lớp 6 | 136 | 158 | 147 | 164 | 152 |
| - Khối lớp 7 | 128 | 135 | 158 | 147 | 153 |
| - Khối lớp 8 | 107 | 125 | 134 | 158 | 142 |
| - Khối lớp 9 | 110 | 105 | 119 | 132 | 148 |
| Tổng số HS | 481 | 523 | 558 | 602 | 595 |
| Tổng số lớp | 12 | 13 | 13 | 14 | 15 |
| Sĩ số HS/lớp (trung bình) | 40 | 40 | 43 | 43 | 40 |

Nhà trường duy trì mỗi năm có từ 12 đến 15 lớp, số HS trung bình trong một lớp không quá 45 em. Hàng năm, nhà trường phân công nhiệm vụ chủ nhiệm và giảng dạy cho giáo viên phù hợp với năng lực của mỗi giáo viên từ đầu tháng 8. Các thông tin về số HS trong các lớp được thể hiện trong sổ đăng bộ, sổ gọi tên ghi điểm (sổ theo dõi và đánh giá HS) [H5-1.5-01]; [H5-1.5-02].

Mức 3:

Nhà trường hiện có 15 lớp, số lượng HS được phân chia cho mỗi khối lớp đảm bảo quy định, đảm bảo chất lượng giáo dục. Nhà trường cập nhật đầy đủ thông tin trên hệ thống quản lý SMAS [H5-1.5-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các lớp của cấp học (từ lớp 6 đến lớp 9), các lớp học được tổ chức theo quy định, mỗi lớp có lớp trưởng, lớp phó và được chia thành các tổ, mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó. Số lượng HS nam, nữ tương đối đồng đều, thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động giáo dục. Các lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, HS được tham gia bầu ban cán sự lớp, xây dựng nội quy, quy định của lớp.

3. Điểm yếu

Sĩ số HS ở các khối, lớp không đều nhau. Khối 8 có sĩ số vượt quá 40 HS/lớp.

Năng lực tự quản của đội ngũ cán bộ lớp của một vài lớp chưa tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|--|---|---|--------------------------|----------------|
| Tham mưu xây dựng kế hoạch phát triển của nhà trường đạt hiệu quả. | Hiệu trưởng | Phù hợp với tình hình đội ngũ | Trong các năm học | Không |
| Tập huấn cho đội ngũ cán bộ lớp việc thực hiện công tác tự quản lớp. | Tổng phụ trách đội, GVCN (đồng chí Tuyên phụ trách) | Phù hợp với kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học | Từ đầu năm học 2024-2025 | Không |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b. Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a. Ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ sổ sách theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ trường trung học và các văn bản quy định về quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Các hồ sơ, văn bản lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của luật lưu trữ. Bộ phận hành chính văn thư của nhà trường lập và sử dụng hiệu quả Sổ quản lý hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi đến bằng hồ sơ điện tử [H6-1.6-01]. Nhà trường lập Sổ quản lý tài sản, thiết bị theo đúng quy định [H6-1.6-02]. Hồ sơ tài chính bao gồm: lập dự toán, sổ chi tiết các hoạt động, sổ theo dõi sử dụng nguồn kinh phí, sổ tổng hợp quyết toán ngân sách và nguồn chi khác của đơn vị, sổ tổng hợp sử dụng nguồn kinh phí, sổ chi tiết các khoản thu [H6-1.6-03]. Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi quyết toán, thống kê báo cáo và lưu trữ hồ sơ, chứng từ về tài chính và tài sản. Hàng quý, kế toán báo cáo công khai tài chính, thực hiện công tác tự kiểm tra công tác tài chính theo quy định hiện hành. Quy chế chi tiêu nội bộ cũng được nhà trường xây dựng trên cơ sở lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên từ hội nghị cấp tổ đến hội nghị cán bộ, viên chức và lao động nhà trường, có điều chỉnh bổ sung phù hợp với tình hình thực tế [H6-1.6-04].

Việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được thực hiện đúng mục đích và hiệu quả phục vụ các hoạt động giáo dục thể hiện thông qua các biên bản kết luận thông báo có liên quan của các cấp có thẩm quyền [H1-1.1-06], quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường [H1-1.1-04], các báo cáo sơ kết, tổng kết đồng thời được đánh giá tổng kết cuối năm [H1-1.1-02].

Mức 2:

Để thực hiện có hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản nhà trường đã cử nhân viên Kế toán đi tập huấn và sử dụng thành thạo phần mềm Misa. nhà trường sử dụng quản lý phần mềm Misa và một số phần mềm khác trong quản lý tài chính, tài sản [H6-1.6-05].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm tra của ngành [H1-1.1-06].

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương được thể

hiện rõ ràng trong: các tờ trình, đề án, văn bản đề nghị của nhà trường với cấp có thẩm quyền tạo nguồn tài chính cho nhà trường [H6-1.6-06]; [H6-1.6-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống các văn bản quy định về quản lý hành chính, tài chính, tài sản đến và được lưu trữ hồ sơ chứng từ theo quy định. Có dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản. Thực hiện công khai tài chính theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường. Việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Nhân viên Kế toán được tập huấn và sử dụng thành thạo phần mềm Misa.

Nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

3. Điểm yếu

Việc lập và quản lý, xử lý các văn bản đi, đến của bộ phận văn thư đôi khi còn chưa kịp thời. Các loại hồ sơ lưu trữ đầy đủ tuy nhiên vẫn còn chưa khoa học theo quy định của Luật lưu trữ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|---|--|---|---------------------|----------------|
| Xây dựng hiệu quả Kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, dài hạn | Hiệu trưởng, kế toán | Phù hợp với KH chiến lược và tình hình thực tế. | Cuối mỗi năm học | Không |
| Thường xuyên kiểm tra công tác quản lý tài sản, xây dựng kế hoạch tự kiểm tra chi tiết hàng tháng, phân công rõ nhiệm vụ cho từng bộ phận có liên quan. | Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, kế toán, phụ trách cơ sở vật chất. | Không | Hàng tháng | Không |
| Tổ chức kiểm kê, đánh giá hiện trạng tài sản, thiết bị định kỳ làm cơ sở xây dựng kế hoạch sửa chữa, bổ sung kịp thời. | Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, kế toán, phụ trách cơ sở vật chất. | Không | 2 lần/năm học | Không |

5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

- a. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*
- b. Phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*
- c. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hàng năm, nhà trường xây dựng các kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, phát triển đội ngũ; 100% các cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ: đổi mới phương pháp quản lý, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho HS; áp dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, ứng dụng CNTT, kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp; bồi dưỡng chứng chỉ cho giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý; bồi dưỡng giáo viên dạy chéo môn, bồi dưỡng thường xuyên theo các Module trên hệ thống LMS... đáp ứng chương trình GDPT 2018 và lộ trình nâng chuẩn cho GV theo Luật Giáo dục 2019; bồi dưỡng HS giỏi, nghiên cứu khoa học, giáo dục kỹ năng sống; bồi dưỡng nghiệp vụ công tác chủ nhiệm cho GVCN lớp, bồi dưỡng cán bộ phụ trách công tác Đoàn, Đội, giáo viên tư vấn học đường,..., thể hiện qua các kế hoạch, báo cáo thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, các hội thi giáo viên giỏi các cấp; thực hiện chuyên đề; thực hiện nhiệm vụ CNTT, bồi dưỡng GVCN [H7-1.7-01].

Căn cứ vào trình độ đào tạo và năng lực của giáo viên, nhân viên nhà trường đã phân công thực hiện các nhiệm vụ trong năm học phù hợp, đúng người, đúng việc nhằm phát huy tốt nhất sở trường của từng người được thể hiện qua bảng phân công nhiệm vụ cho CBQL, GV, NV [H7-1.7-02].

Nhà trường phân công 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục HS. Cán bộ, giáo viên, nhân viên được hưởng, đảm bảo các quyền lợi về vật chất, tinh thần và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên theo quy định hiện hành; được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo các chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo như: chế độ tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội..., được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, an toàn thân thể được thể hiện qua bảng lương và phụ cấp hàng tháng, báo cáo công đoàn. Các giáo viên tham gia vào việc quản lý nhà trường như tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban thanh tra nhân dân được thể hiện trong biên bản Hội nghị cán bộ viên chức, bảng phân công

nhiệm vụ, hồ sơ kiểm tra đánh giá giáo viên, nhân viên [H7-1.7-03]; [H7-1.7-04]; [H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường có biện pháp phát huy năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên như: cử cán bộ quản lý và giáo viên tham gia các lớp tập huấn về phương pháp, kỹ thuật dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh; tổ chức công tác nghiên cứu khoa học đối với giáo viên; tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi, GVCN giỏi các cấp; tham gia công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng dành cho HS trung học; đổi mới sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn dựa trên cơ sở nghiên cứu bài học, tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên môn tại các trường và cụm trường,...[H7-1.7-05]; [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường đều có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ. Phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý tùy theo khả năng của mỗi giáo viên để giao nhiệm vụ, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Có kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên cốt cán, đặc biệt là những giáo viên có năng lực sư phạm, có đạo đức nghề nghiệp. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền lợi theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ trường trung học.

Trong chu kỳ, nhà trường đều xây dựng kế hoạch trong đó có các biện pháp cụ thể để phát huy năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

3. Điểm yếu

Các loại hồ sơ lưu trữ đầy đủ tuy nhiên vẫn còn chưa khoa học theo quy định của Luật lưu trữ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|---|-----------------|-------------------------------|---------------------|----------------|
| Tham mưu với Phòng GDĐT mở các lớp tập huấn nghiệp vụ cho nhân viên kiêm nhiệm; các lớp bồi dưỡng giáo viên dạy môn tích hợp của chương trình GDPT 2018 | Hiệu trưởng | Phù hợp với điều kiện thực tế | Trong các năm học | Không |

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|--|-----------------|-------------------------------|---------------------|----------------|
| Liên hệ với các cơ sở đào tạo, cử nhân viên kiêm nhiệm tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên và nhân viên | Hiệu trưởng | Phù hợp với điều kiện thực tế | Trong các năm học | Không |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8. Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a. Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường.

b. Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ.

c. Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường căn cứ vào các quy định hiện hành, hướng dẫn của phòng GDĐT, Sở GDĐT, bám sát vào điều kiện thực tế của địa phương và tình hình và nhiệm vụ được giao của đơn vị để xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, Các kế hoạch này được lấy ý kiến của toàn thể CB, GV, NV thông qua Hội nghị viên chức cấp tổ, được trao đổi, bàn luận và thông qua tại Hội nghị cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Các kế hoạch của nhà trường được các cấp có thẩm quyền phê duyệt [H8-1.8-01]. Căn cứ kế hoạch nhiệm vụ năm học, kế hoạch giáo dục nhà trường, các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn (bao gồm kế hoạch giáo dục các môn học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục khác) nhằm hiện thực hóa các chỉ đạo của nhà trường, phù hợp với nhiệm vụ của tổ chuyên môn. Căn cứ kế hoạch của tổ chuyên môn, các nhóm chuyên môn và giáo viên xây dựng kế hoạch cá nhân để triển khai các hoạt động giáo dục và dạy học theo sự chỉ đạo của nhà trường. Nhà trường đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, có chất lượng kế hoạch giáo dục, các hoạt động giáo dục và dạy học được thể hiện trong thời khóa biểu [H8-1.8-02], sổ đầu bài trong các năm học [H8-1.8-03], kế hoạch dạy bù và theo dõi dạy thay [H8-1.8-04].

Nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời kế hoạch giáo dục,

kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục khác theo tình hình thực tế và theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên [H8-1.8-01]. Tổ chức bồi dưỡng về phương pháp và kỹ năng cần thiết cho giáo viên, cán bộ quản lý và học sinh về dạy học, kiểm tra đánh giá, triển khai đến toàn thể hội đồng sư phạm nhà trường, thể hiện thông qua các biên bản sinh hoạt chuyên môn [H4-1.4-03] kế hoạch giáo dục điều chỉnh [H8-1.8-01], thời khoá biểu [H8-1.8-02], kế hoạch dạy bù, sổ theo dõi dạy thay, sổ đầu bài [H8-1.8-03]; [H8-1.8-04].

Mức 2

Nhà trường có các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục: triển khai kịp thời, thống nhất những thông tin của ngành, của Phòng Giáo dục và Đào tạo và cấp trên đưa ra; kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với các hoạt động giáo dục trong nhà trường; triển khai, xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trong năm học (đảm bảo 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được kiểm tra ít nhất 01 lần trong năm học...) và được cấp có thẩm quyền kiểm tra đánh giá thông qua hệ thống biên bản kiểm tra của cấp trên [H7-1.7-03];[H1-1.1-06].

Vào đầu năm học Hiệu trưởng ban hành các quyết định, văn bản về việc chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền đến cán bộ, giáo viên, nhân viên, HS, cha mẹ HS trong toàn trường về nội dung kế hoạch, các quy định về học thêm, dạy thêm của ngành, của tỉnh. Nhà trường thường xuyên chấn chỉnh hoạt động dạy thêm học thêm của giáo viên được thể hiện trong biên bản kiểm tra việc thực hiện quy định dạy thêm học thêm và trong báo cáo tổng kết của nhà trường [H7-1.7-03];[H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục đầy đủ, phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương, nhà trường. Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ, luôn được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời theo điều kiện thực tế. Mọi thành viên đều được tiếp thu, tham gia góp ý xây dựng kế hoạch một cách dân chủ và thực hiện nghiêm túc. Nhà trường không có tình trạng phản ánh về hoạt động dạy thêm, học thêm sai quy định trong năm học.

3. Điểm yếu

Các kế hoạch của tổ chuyên môn, của giáo viên đã bám sát đã vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường, tuy nhiên một số kế hoạch còn sơ sài chưa thể hiện rõ việc đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng “nghiên cứu bài học”, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới công tác kiểm tra đánh giá. Đặc biệt, là công tác tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ giáo viên chưa được thường xuyên. Các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện HS, đặc biệt là HS có năng khiếu và HS gặp khó khăn trong học tập còn mờ nhạt, chưa hiệu quả.

Việc rà soát kế hoạch giáo dục được thực hiện, tuy nhiên chưa thường xuyên, liên tục, đôi khi còn thụ động (chờ kế hoạch chỉ đạo của cấp trên).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|---|--|---|--------------------------|----------------|
| Xây dựng kế hoạch Tổ chuyên môn, kế hoạch giảng dạy của GV cần tập trung vào những vấn đề trọng tâm, đề ra giải pháp thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu đề ra. | Phó hiệu trưởng chỉ đạo, TTCM, GV thực hiện. | Kế hoạch TCM được CBQL nhà trường phê duyệt | Từ đầu năm học 2024-2025 | Không |
| Đổi mới hình thức sinh hoạt tổ chuyên môn, tham gia sinh hoạt chuyên môn liên trường để trao đổi thông tin cập nhật cái mới và quản lý hiệu quả hơn. | Tổ chuyên môn | Không | Từ đầu năm học 2024-2025 | Không |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a. CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

b. Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật.

c. Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, trước thời điểm tổ chức Hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động, CBQL, GV, NV cùng tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường (theo Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập). Các nội dung đã thảo luận được thể hiện qua các phiên sinh hoạt chuyên môn, hội nghị viên chức cấp tổ, trong nghị quyết hội nghị cán bộ, viên chức nhà trường [H9-1.9-01] và được lưu lại trong các biên bản, quy chế dân chủ của nhà trường [H9-1.9-02].

Nhà trường tiếp nhận các kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ HS thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được giải quyết đầy đủ, đúng quy định. Trong 5 năm qua, nhà trường không có đơn thư khiếu nại hay tố cáo của cán bộ viên chức cũng như nhân dân trên địa bàn. Nhà trường công khai lịch, nội quy tiếp công dân rõ ràng, đầy đủ, thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân đúng lịch và nội dung được ghi chép đầy đủ vào sổ (chủ yếu nội dung giải quyết HS chuyển đi, chuyển đến)[H9-1.9-03].

Hàng năm, nhà trường ban hành Quy chế chuyên môn, Quy chế dân chủ, Quy chế làm việc,... Cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn trường thực hiện tốt các nội quy, quy chế đã ban hành [H9-1.9-04]; [H9-1.9-05]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-04].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả được thực hiện từ tổ chuyên môn thể hiện thông qua báo cáo của công đoàn, bảng công khai các biện pháp và cơ chế giám sát, báo cáo của ban thanh tra nhân dân, báo cáo tổng kết nhà trường [H9-1.9-05]; [H1-1.1-02];[H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng, ban hành và thực hiện quy chế thực hiện dân chủ theo những điều trong Luật giáo dục (Luật số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019) và Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT (Thông tư hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập) thực hiện quy chế dân chủ theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Trong 5 năm qua, nhà trường chưa có các đơn thư phản ánh, kiến nghị cần xử lý. Hằng năm, đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở được niêm yết công khai tại bảng công khai của nhà trường, trong các báo cáo cuối năm của nhà trường và các tổ chức trong trường.

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Ban thanh tra nhân dân chưa kịp thời triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|--|-----------------|---------------------------|---------------------|----------------|
| Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy | Hiệu trưởng | Bám sát Kế hoạch kiểm tra | Hàng năm | Không |

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|---|------------------------|--|----------------------------|-----------------------|
| chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường. | | nội bộ | | |
| Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác cho Ban Thanh tra nhân dân. | Chủ tịch công đoàn | Phù hợp với Kế hoạch công tác của nhà trường | Từ đầu các năm học | Không |

5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a. Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho HS được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm

b. Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và HS trong nhà trường

c. Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường

Mức 2:

a. CBQL, GV, NV và HS được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

b. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường ra Quyết định thành lập, kiện toàn các Ban thực hiện nhiệm vụ, xây dựng các kế hoạch, phương án thực hiện đảm bảo: an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và bạo lực trong nhà

trường. [H10-1.10-01]. Hằng năm, nhà trường phối hợp với các ban ngành, đoàn thể như: Đội thiếu niên, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thường để tổ chức các hoạt động ngoại khóa giúp HS luyện các kỹ năng như: kỹ năng nhận biết các tình huống có vấn đề, biết xác định tình huống, biết khẳng định, biết cách từ chối, sáng tạo, kỹ năng xử lý các mâu thuẫn, phòng chống bạo lực học đường, tự chăm sóc sức khỏe, phòng chống tệ nạn xã hội,... phối hợp với Công an phường, công an thành phố, trạm y tế phường Yên Thanh để thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh, ... [H10-1.10-02]. Để đảm bảo an ninh trật tự nhà trường còn có hợp đồng với các tổ chức, cá nhân [H10-1.10-03], hộp thư góp ý [H10-1.10-04], có số điện thoại đường dây nóng treo gần cổng ra vào [H10-1.10-05]. Nhà trường được cơ quan công an, chính quyền công nhận đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học theo quy định [H10-1.10-06].

Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục thực hiện tốt Nội quy trường học, Quy tắc ứng xử và các quy định về công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn nên trong nhiều năm qua không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới của HS, giáo viên, nhân viên. CB, GV, NV, HS được làm việc, học tập trong môi trường lành mạnh, an toàn, thân thiện [H10-1.10-07]; [H10-1.10-08].

Mức 2:

Nhà trường thường xuyên phổ biến, hướng dẫn cho tất cả CBQL, GV, NV và HS thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; phòng chống cháy nổ; phòng chống thảm họa thiên tai; phòng chống dịch bệnh cũng như là các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường tại các buổi họp hội đồng, các buổi chào cờ đầu tuần và các buổi sinh hoạt ngoại khóa. Các hình ảnh, tư liệu về hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm liên quan đến công tác đảm bảo an ninh trật tự được đăng tải trên Website của nhà trường [H10-1.10-09]

Bên cạnh đó, nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả nên không có hiện tượng CB, GV, NV, HS vi phạm, thể hiện trong báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho CB, GV, NV, HS. Thực hiện tốt công tác phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể địa phương và công an các cấp trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cũng như việc đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong môi trường học đường. Trong những năm qua, nhà trường luôn đảm bảo an toàn, không có CB, GV, NV, HS mắc các tệ nạn xã hội, không để xảy ra bạo lực học đường, không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới. Nhiều năm liên tục được

công nhận trường học đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”, “An toàn, phòng, chống tai nạn thương tích”, đạt danh hiệu cơ quan văn hóa.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có biện pháp hiệu quả trong việc đảm bảo trật tự giao thông tại cổng trường, đặc biệt trong các giờ cao điểm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Kinh phí |
|--|--|--|---------------------|----------|
| Thực hiện công tác tuyên truyền tới CMHS, HS về việc đảm bảo trật tự ATGT tại cổng trường. | Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên tiên phong; GVCN | Phù hợp với các hoạt động giáo dục của nhà trường | Không | Không |
| Triển khai cụ thể nhiệm vụ trách nhiệm của giáo viên trực ban, đội cờ đỏ trong việc giữ gìn trật tự ATGT tại cổng trường học | Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên tiên phong; GV | Phù hợp tình hình thực tế. | Không | Không |
| Phối hợp với Công an, Đội trật tự phường Yên Thanh trong việc đảm bảo trật tự, ATGT tại cổng trường trong giờ cao điểm. | Hiệu trưởng | Quy chế phối hợp giữa nhà trường và công an Phường | Không | Không |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận Tiêu chuẩn 1:

Nhà trường đã thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy Đảng; chấp hành sự quản lý hành chính của chính quyền địa phương; sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan quản lý giáo dục. Các tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh thực hiện tốt chức năng theo quy định. Giáo viên, nhân viên trong trường đã thực hiện nhiệm vụ quản lý và giáo dục HS một cách hiệu quả. Bên cạnh đó công tác rà soát, đánh giá hoạt động của các tổ chuyên môn được nhà trường thực hiện có hiệu quả.

Thực hiện nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan quản lý giáo dục các cấp, nhà trường đã linh hoạt trong việc tổ chức các phong trào thi đua, quản lý cán bộ giáo viên, nhân viên, HS. Vì vậy các hoạt động của nhà trường đạt được những kết quả tốt.

Tuy nhiên, cùng với những điểm mạnh nói trên còn một số tồn tại của nhà trường là chiến lược phát triển của nhà trường chưa được phổ biến rộng rãi, chưa có những bước đột phá để khẳng định chất lượng mũi nhọn và chất lượng hai mặt giáo dục.

- Tự đánh giá:

+ Số tiêu chí đạt Mức 2: 10/10

+ Số tiêu chí đạt Mức 3: 5/10

+ Số tiêu chí không đạt: Không

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và HS

Mở đầu: Nhà trường có đủ Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng theo đúng quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/07/2017 của Bộ GDĐT về “Hướng dẫn Danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập”; Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ GDĐT quy định về “Chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông”; Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT quy định về “Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông”, Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục 2019 đối với cấp học, có thâm niên giảng dạy trên 15 năm và quản lý tại trường không quá 2 nhiệm kì.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ dạy và học, đạt được các mục tiêu giáo dục đã đề ra, công tác xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL, GV, NV đóng vai trò rất quan trọng. Nhà trường đã chú trọng việc xây dựng đội ngũ CBQL, GV, NV đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu bộ môn giảng dạy, vị trí việc làm, có trình độ đạt chuẩn theo Luật Giáo dục 2019 là (31/31 đồng chí) 100%, trong đó tỷ lệ trên chuẩn xấp xỉ 10%, Thông tư số 29/2021/TT-BGDĐT ngày 20/10/2021 của Bộ GDĐT quy định về “Ngưng hiệu lực quy định về chuẩn trình độ đào tạo của nhà giáo tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành” thì nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn đáp ứng yêu cầu dạy học hiện nay. Đội ngũ CBQL, GV, NV luôn học tập, tìm tòi, nghiên cứu để nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đề ra. Hàng năm, CBQL, GV, NV được tổ chức đánh giá theo Chuẩn hiệu trưởng, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên và đánh giá xếp loại cán bộ, viên chức theo quy định. HS của nhà trường được tuyển đúng độ tuổi; HS có nhiều cố gắng trong thực hiện nhiệm vụ, được bảo đảm các quyền của người học theo Điều lệ trường trung học và các quy định khác của Bộ GDĐT. Đây là nhân tố cơ bản quyết định chất lượng giáo dục và sự phát triển đi lên của nhà trường.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1, 2, 3

Hiệu trưởng: Phan Thị Bích Huệ

| Năm học | Trình độ CM | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý | Kết quả đánh giá, xếp loại hàng năm | | Hình thức thi đua, khen thưởng |
|-----------|-------------|----------------------------|------------------|-------------------------------------|-----------|--|
| | | | | Chuẩn nghề nghiệp | Viên chức | |
| 2019-2020 | Đại học | Trung cấp | Thạc sĩ | Tốt | HTTNV | Giấy khen của Sở GDĐT |
| 2020-2021 | Đại học | Trung cấp | Thạc sĩ | Khá | HTSXNV | Giấy khen của UBND Thành phố Giấy khen của Đảng ủy phường Yên Thanh |
| 2021-2022 | Đại học | Trung cấp | Thạc sĩ | Khá | HTSXNV | Giấy khen của Đảng ủy phường Yên Thanh |
| 2022-2024 | Đại học | Trung cấp | Thạc sĩ | Khá | HTTNV | Giấy khen của Đảng ủy phường Yên Thanh |
| 2023-2024 | Đại học | Trung cấp | Thạc sĩ | Tốt | HTXS NV | CSTĐCS |

Phó hiệu trưởng: Phạm Thị Hảo

| Năm học | Trình độ CM | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý | Kết quả đánh giá, xếp loại hàng năm | | Hình thức thi đua, khen thưởng |
|-----------|-------------|----------------------------|------------------|-------------------------------------|-----------|---|
| | | | | Chuẩn nghề nghiệp | Viên chức | |
| 2019-2020 | Đại học | Trung cấp | Chứng chỉ | Tốt | HTXS NV | Chiến sĩ thi đua cơ sở; Giấy khen của Đảng ủy phường Yên Thanh |
| 2020-2021 | Đại học | Trung cấp | Chứng chỉ | Khá | HTXS NV | Chiến sĩ thi đua cơ sở; Giấy khen của Đảng ủy phường Yên Thanh |
| 2021-2022 | Đại học | Trung cấp | Chứng chỉ | Tốt | HTXS NV | Chiến sĩ thi đua cơ sở; Bằng khen UBND Tỉnh; Giấy khen của Đảng ủy phường Yên Thanh |
| 2022-2023 | Đại học | Trung cấp | Chứng chỉ | Khá | HTTNV | Giấy khen UBND thành phố; Bằng khen của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh |
| 2023-2024 | Đại học | Trung cấp | Chứng chỉ | Tốt | HTTNV | Chiến sĩ thi đua cơ sở |

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng nhà trường đạt tiêu chuẩn theo quy định về trình độ đào tạo, về thời gian công tác. Hằng năm, được đánh chuẩn hiệu trưởng đạt từ mức khá trở lên, trong đó có 03 năm đạt mức tốt **[H11-2.1-01]**; nhiều năm được công nhận là Chiến sĩ thi đua cơ sở, được UBND thành phố, Sở GDĐT tặng giấy khen, UBND Tỉnh tặng bằng khen **[H11-2.1-02]**; **[H2-1.2-03]**.

Hằng năm, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tham dự các lớp tập huấn về công tác quản lý, quản trị trường học; các lớp bồi dưỡng về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá (dạy học theo chủ đề và phương pháp hướng dẫn HS tự học, phương pháp giáo dục HS khuyết tật; dạy học theo định hướng phát triển năng lực HS, giáo dục Stem, nghiên cứu khoa học kỹ thuật ...), bồi dưỡng lý luận chính trị do Ban Tuyên giáo Thành ủy tổ chức, tham dự đầy đủ các buổi học Nghị quyết do Đảng ủy phường Yên Thanh, Thành ủy Uông Bí tổ chức **[H11-2.1-03]**; **[H11-2.1-04]**, được cấp chứng chỉ, chứng nhận **[H11-2.1-05]**; **[H11-2.1-06]**.

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được giáo viên, nhân viên đánh giá thực hiện tốt công tác quản lý, tín nhiệm cao thông qua biên bản đánh giá xếp loại viên chức, xếp loại chuẩn hiệu trưởng của nhà trường hàng năm **[H4-1.4-04]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng đảm bảo danh mục khung

vị trí việc làm và định mức số lượng quy định tại Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/07/2017 của Bộ GDĐT. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có trình độ từ đại học trở lên và có thời gian trực tiếp giảng dạy trên 10 năm trước khi bổ nhiệm. Các đồng chí đều là cán bộ quản lý năng động, sáng tạo, luôn đi đầu trong đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo các hoạt động giáo dục trong nhà trường để đạt kết quả tốt, được các cấp lãnh đạo tin tưởng, đồng nghiệp, CMHS, HS, quần chúng nhân dân tin yêu. Hàng năm được đánh giá theo quy định Chuẩn nghề nghiệp và được xếp loại từ khá trở lên, được đội ngũ giáo viên, nhân viên tín nhiệm cao.

3. Điểm yếu

Việc cập nhật và học tập các nội dung bồi dưỡng về công tác quản lý, quản trị trường học của CBQL chưa thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|---|---------------------------------|--|----------------------|----------------|
| - Chủ động, tích cực tự học, nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và nhận thức của bản thân về chuyên đổi số trong giáo dục; | Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng | Phù hợp với kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ, bồi dưỡng thường xuyên của nhà trường, của ngành. | Từ năm học 2024-2025 | Tự túc |
| Bố trí thời gian hợp lý để nghiên cứu tài liệu, tham gia các lớp tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; dự nghe các chương trình hội thảo, các buổi tọa đàm trên nền tảng mạng xã hội về quản trị, quản lý trường học đáp ứng chuyên đổi số trong trường học. | Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng | - Hệ thống bồi dưỡng thường xuyên của Bộ GDĐT - Các chương trình về giáo dục trên truyền hình | Từ năm học 2024-2025 | Không |
| - Nêu cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu đơn vị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng CNTT, thực hiện chuyên đổi số thành công trong quản lý và giảng dạy | Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng | Không | Từ năm học 2024-2025 | Không |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**Mức 1:**

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho HS; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

1. Mô tả hiện trạng

Biểu 1: Số lượng và trình độ GV

| Năm học | Tổng số | Nữ | Dân tộc | Trình độ đào tạo GV | | | Số lượng GV có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học | Số lượng GV có khả năng tổ chức các HĐTNHN, định hướng phân luồng cho HS |
|-----------|---------|----|---------|---------------------|---------|------------------------|---|--|
| | | | | Cao đẳng | Đại học | Trên Đại học (Thạc sĩ) | | |
| 2019-2020 | 25 | 23 | 01 | 0 | 24 | 01 | 02 | 12 |
| 2020-2021 | 26 | 24 | 01 | 0 | 25 | 01 | 03 | 13 |
| 2021-2022 | 26 | 24 | 01 | 0 | 25 | 01 | 05 | 13 |
| 2022-2023 | 27 | 25 | 01 | 0 | 25 | 02 | 06 | 14 |
| 2023-2024 | 27 | 25 | 01 | 0 | 25 | 02 | 06 | 15 |

Biểu 2: Kết quả đánh giá, xếp loại GV hàng năm

| Năm học | Tổng số | Kết quả đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên | | | | Đánh giá, xếp loại viên chức | | | |
|-----------|---------|--|-------------|-----|----------|------------------------------|-------------|------|------------|
| | | Tốt | Khá | Đạt | Chưa đạt | HTXS | HTT | HTNV | Không HTNV |
| 2019-2020 | 25 | 06 (24%) | 19 (76%) | 0 | 0 | 02 (8,0%) | 23 (92%) | 0 | 0 |

| Năm học | Tổng số | Kết quả đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên | | | | Đánh giá, xếp loại viên chức | | | |
|------------------------|---------|--|---------------|-----|----------|------------------------------|---------------|------|------------|
| | | Tốt | Khá | Đạt | Chưa đạt | HTXS | HTT | HTNV | Không HTNV |
| 2020-2021 | 26 | 20 (76,9%) | 06 (23,1%) | 0 | 0 | 08 (30,8%) | 18 (69,2%) | 0 | 0 |
| 2021-2022 | 26 | 13 (50%) | 13 (50%) | 0 | 0 | 07 (26,9%) | 19 (73,1%) | 0 | 0 |
| 2022-2023 | 27 | 13 (48,1%) | 14 (51,9%) | 0 | 0 | 09 (33,3%) | 18 (66,7%) | 0 | 0 |
| 2023-2024 ¹ | 25 | 07 (27%) | 18 (72%) | 0 | 0 | 04 (13,8%) | 25 (86,2%) | 0 | 0 |

Biểu 3: Số liệu GVDG các cấp

| Năm học | Tổng số GV | GVCN giỏi cấp thành phố | | GVDG cấp thành phố | | GVDG cấp Tỉnh | | Số đề tài sáng kiến, nghiên cứu khoa học được công nhận |
|-----------|------------|-------------------------|--------|--------------------|--------|---------------|--------|---|
| | | SL | Tỉ lệ% | SL | Tỉ lệ% | SL | Tỉ lệ% | |
| 2019-2020 | 25 | 0 | 0 | 08 | 32,0 | 3 | 12,0 | 08 |
| 2020-2021 | 26 | 0 | 0 | 09 | 34,6 | 3 | 11,5 | 12 |
| 2021-2022 | 26 | 06 | 46,1 | 09 | 34,6 | 3 | 11,5 | 10 |
| 2022-2023 | 27 | 06 | 42,8 | 11 | 40,7 | 3 | 11,1 | 14 |
| 2023-2024 | 27 | 05 | 33,3 | 11 | 40,7 | 5 | 18,5 | 15 |

Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác. 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Điều 33 Điều lệ trường trung học. Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H12 - 2.2 - 01]; [H12-2.2-03]; [H1-1.1-02].

Đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có 100% giáo viên được xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Khá trở lên, trong đó 18/25 đồng chí đạt mức Tốt [H12 - 2.2 - 02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H12 - 2.2 - 04];[H1-1.1-02].

Hàng năm nhà trường đều có giáo viên tham gia thi và đạt GVDG cấp thành phố, GVDG cấp Tỉnh, GVCN giỏi cấp thành phố, Tổng phụ trách Đội giỏi cấp

¹ Năm học 2023-2024: Không đánh giá Chuẩn nghề nghiệp 02 GV hợp đồng; 02 CBQL chưa có kết quả đánh giá, xếp loại viên chức (UBND thành phố đánh giá)

thành phố, ... Tất cả các đồng chí đều có báo cáo SKKN được công nhận từ cấp thành phố trở lên [H12-2.2-05]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định², đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục; 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định và đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức khá trở lên. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình, giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho HS được thực hiện có hiệu quả hàng năm, có giáo viên có khả năng hướng dẫn HS nghiên cứu khoa học. Nhiều giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt, có bề dày thành tích được các cấp có thẩm quyền đánh giá công nhận.

Nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu

Giáo viên dạy các môn tích hợp còn hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ. Giáo viên có khả năng hướng dẫn HS nghiên cứu khoa học chưa nhiều, hiệu quả các đề tài nghiên cứu chưa được đánh giá cao. Số lượng nghiên cứu giải pháp sáng kiến kinh nghiệm trong công tác được công nhận cấp tỉnh còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|--|---|--|---------------------|----------------|
| <p>Tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học.</p> <p>- Chủ động, tích cực nghiên cứu tài liệu, tham gia đầy đủ các chương trình tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn để nắm vững kiến thức, kỹ năng về môn học được phân công dạy.</p> <p>- Tăng cường dự giờ; tham gia các</p> | <p>GV nhà trường (Các đồng chí TTCM, nhóm trưởng chuyên môn chịu trách nhiệm chính)</p> | <p>- Hệ thống bồi dưỡng thường xuyên của Bộ GDĐT</p> <p>- Kế hoạch tổ chuyên môn với các nội dung về tổ chức chuyên đề; các đợt thao giảng....</p> <p>- Các chuyên đề cấp thành phố,</p> | <p>Hàng năm</p> | <p>Không</p> |

² Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|---|------------------------------|---|--------------------------|----------------|
| <p>chuyên đề, các buổi sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn, các buổi sinh hoạt chuyên môn liên trường..., để học hỏi, trau dồi kỹ năng lập kế hoạch dạy học, sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông để tạo bài giảng lý thú.</p> <p>- Thường xuyên thực hiện công tác tự đánh giá để rút kinh nghiệm, vận dụng linh hoạt, hợp lý các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, phát triển kỹ năng cho học sinh.</p> | | các lớp tập huấn do Phòng, Sở Giáo dục tổ chức... | | |
| <p>- Căn cứ tình hình đội ngũ giáo viên của nhà trường, phân công GV dạy học các chủ đề phù hợp với năng lực chuyên môn của GV.</p> <p>- Chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và bố trí kinh phí tham gia bồi dưỡng, đào tạo cho GV dạy môn học tích hợp, để GV đáp ứng yêu cầu về chuyên môn đảm nhận việc dạy học các chủ đề hoặc toàn bộ chương trình môn học.</p> | Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng | Cử GV đi tập huấn, bồi dưỡng | Hàng năm | Chưa xác định |
| Đảm bảo chế độ cho GV, động viên kịp thời, khen thưởng hợp lý để GV tích cực hơn trong công tác thi đua cấp cao (cấp tỉnh) | CTCD, Hiệu trưởng | Phù hợp Quy chế thi đua khen thưởng, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường | Từ đầu năm học 2024-2025 | Chưa xác định |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm đáp ứng các nhiệm vụ được giao theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H13-2.3-01].

Thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TU về đề án “Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế” của Tỉnh Quảng Ninh nhà trường phân công công việc các nhân viên phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người như sau: Đồng chí nhân viên kế toán kiêm nhiệm văn thư; 01 GV kiêm nhiệm công tác thủ quỹ, 01 GV kiêm công tác Y tế học đường, 01 GV kiêm công tác thư viện, 01 GV kiêm nhiệm công tác thiết bị trường học [H7-1.7-02].

Hàng năm, nhân viên (giáo viên kiêm nhiệm) của nhà trường đều hoàn thành các nhiệm vụ được giao, được đánh giá trong các báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường và có hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên hàng năm [H7-1.7-03];[H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên (giáo viên kiêm nhiệm) theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2017) [H7-1.7-03]; [H13-2.3-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên chuyên trách hay kiêm nhiệm bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H13-2.3-02]; [H1-1.1-02].

Mức 3:

Đội ngũ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm của nhà trường đều có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm (tất cả đều có bằng Đại học chuyên môn và 1 số đồng chí có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ nhân viên do cơ quan có thẩm quyền cấp đảm bảo quy định) [H13-2.3-01].

Hằng năm, các đồng chí nhân viên được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm, có các chứng chỉ, chứng nhận tham gia các lớp bồi dưỡng. Các nhân viên được điều động thực hiện nhiệm vụ theo quy định của các cơ quan, đơn vị có liên quan [H13-2.3-03]; H13-2.3-04]; [H13-2.3-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có nhân viên (giáo viên kiêm nhiệm) để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công, các nhân viên được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực của từng đồng chí. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên chuyên trách hay kiêm nhiệm bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu

Nhà trường không có nhân viên chuyên trách công tác y tế, thủ quỹ, thư viện, thiết bị. Giáo viên kiêm nhiệm các công tác y tế, thiết bị, thủ quỹ chưa có bằng cấp về các công tác được phân công, chỉ được tham gia các cuộc tập huấn của ngành nên kỹ năng quản lý và tổ chức các hoạt động chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|--|----------------------------------|--------------------------------|----------------------|----------------|
| Kiểm tra giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên, giáo viên được phân công kiêm nhiệm tại nhà trường. | Hiệu trưởng, tổ trưởng văn phòng | Phù hợp với KH kiểm tra nội bộ | Từ năm học 2024-2025 | Không |

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|---|------------------------|--|----------------------------|-----------------------|
| Cử nhân viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng. | Hiệu trưởng | Phù hợp với điều kiện công tác thực tế của nhà trường, nhân viên | Hàng năm | Không |
| Nhân viên tăng cường công tác tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu của công việc. | Nhân viên | Nhà trường liên hệ với các trường bạn có nhân viên chuyên trách để học hỏi | Hàng năm | Chưa xác định |
| Tham mưu với cấp trên bổ sung nhân viên y tế, thiết bị, thư viện chuyên trách đáp ứng nhu cầu công việc của nhà trường. | Hiệu trưởng | Phù hợp với các quy định | Tháng 8/2024 | Không |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi HS theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định*

Mức 2:

HS vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

HS có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường thực hiện đúng quy chế của Bộ GDĐT về việc tuyển sinh HS đầu cấp nên 100% HS của trường đáp ứng yêu cầu về độ tuổi được quy định tại Điều 33, Điều lệ trường Trung học (Thông tư 32/TT-BGDĐT) [H5-1.5-01]; [H5-1.5-02]; [H1-1.1-02].

Vào đầu mỗi năm học, trường tổ chức cho HS học tập về nhiệm vụ của HS thông qua các hoạt động giáo dục, từ đó các em luôn thực hiện đầy đủ 05 nhiệm vụ của người HS theo Điều 34 và 07 hành vi học không được làm theo Điều 37

của Điều lệ trường Trung học. Đa số HS thực hiện đầy đủ và đúng quy định về nhiệm vụ của HS, được đánh giá trong báo cáo tổng kết hàng năm [H1-1.1-02].

Nhà trường luôn đảm bảo HS được hưởng đầy đủ 06 quyền theo Điều 35, Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật, được đánh giá trong báo cáo tổng kết hàng năm [H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường có đội ngũ GVCN, tổng phụ trách đội, đội ngũ cán bộ chi đội, liên đội là cánh tay đắc lực trong việc giáo dục cũng như phát hiện kịp thời các hành vi HS không được làm và có các biện pháp giáo dục phù hợp để tư vấn, giáo dục cho các em như: chia sẻ, động viên, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng, đồng cảm, làm bạn, nêu gương, khen thưởng, phê bình. Hàng năm nhà trường thành lập tổ tư vấn học đường, tổ tư vấn xây dựng kế hoạch hoạt động thường xuyên, đạt hiệu quả với các nội dung chủ yếu như tư vấn sức khỏe vị thành niên, tâm sinh lý lứa tuổi, giới tính, phòng chống bạo lực học đường, ... [H14-2.4-01].

Mức 3:

Đa số HS trường THCS Yên Thanh ngoan ngoãn, thực hiện tốt các nội quy, quy định của nhà trường, chăm chỉ học tập. Nhà trường có tỉ lệ HS giỏi, HS tiên tiến tương đối cao (từ 60% đến 70%) Năm nào cũng có HS đạt giải trong các kỳ thi HS giỏi, Khoa học kỹ thuật dành cho HS trung học, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng các cấp. HS có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường [H14-2.4-02]; [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Trong 05 năm qua, HS của nhà trường luôn đảm bảo quy định về tuổi HS học trung học theo Điều lệ trường trung học. HS của nhà trường được học tập về nhiệm vụ cũng như các quyền của HS thông qua các hoạt động giáo dục theo đúng Điều lệ trường THCS và Luật trẻ em. Hằng năm, các em được học tập đầy đủ các bộ môn với thời lượng 35 tuần theo quy định của Bộ GDĐT đối với trường THCS, được tham gia tất cả các hoạt động giáo dục khác của nhà trường như giáo dục đạo đức lối sống, lao động hướng nghiệp dạy nghề, hoạt động tập thể, hoạt động Đội thiếu niên, văn nghệ thể thao, hoạt động nhân đạo, từ thiện; được giáo dục, rèn luyện các kỹ năng sống. Đa số HS biết giao tiếp với thầy cô giáo, người lớn tuổi, bạn bè đúng mực, thực hiện đúng trang phục quy định tại Điều lệ trường phổ thông. Tỷ lệ xếp loại hạnh kiểm khá, tốt luôn đạt 97% trở lên trên tổng số HS toàn trường.

Những HS vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục kỷ luật tích cực, không có trường hợp nào phải thành lập Hội đồng kỷ luật để thi hành kỷ luật HS.

3. Điểm yếu

Nhà trường có HS giỏi các cấp nhưng số lượng chưa nhiều, chất lượng các giải chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|---|--|--|----------------------|----------------|
| Thực hiện tốt công tác phối, kết hợp hiệu quả 3 môi trường giáo dục (Gia đình, nhà trường, xã hội) để giáo dục HS. Trong Quy chế phối hợp cần làm rõ trách nhiệm của mỗi bên. | Hiệu trưởng, GVCN (đồng chí Hoà làm trưởng nhóm) | Quy chế phối hợp giữa nhà trường, CMHS, địa phương | Từ năm học 2024-2024 | Không |
| Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng môn học, tăng cường bồi dưỡng HSG và phụ đạo HS yếu kém, giao khoán chỉ tiêu chất lượng cho giáo viên bộ môn làm căn cứ đánh giá xếp loại thi đua cuối năm. | Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, GV | Kế hoạch bồi dưỡng HSG, phụ đạo HS yếu kém; Quy chế chuyên môn; Quy chế thi đua, khen thưởng | Từ năm học 2024-2024 | Chưa xác định |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Đội ngũ lãnh đạo nhà trường có năng lực chuyên môn và năng lực quản lý tốt, sáng tạo, dám nghĩ dám làm; có phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm cao; luôn chịu khó học tập, tích lũy kinh nghiệm quản lý giáo dục để hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách được giao. Nhà trường có đội ngũ giáo viên đảm bảo về số lượng và cơ cấu, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt. Nhà trường có đủ giáo viên đúng chuyên môn giảng dạy các môn học với trách nhiệm và lòng yêu nghề cao. Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có ý thức tổ chức kỷ luật và phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng, sẵn sàng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Chính vì thế, trong những năm qua, nhà trường có nhiều cá nhân đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua, giáo viên dạy giỏi các cấp, nhiều HS có thành tích cao trong học tập và rèn luyện.

Tuy nhiên, nhà trường cũng vẫn còn một số hạn chế nhất định mang tính tạm thời là một số ít giáo viên còn thụ động trong công việc, lượng giáo viên giỏi được phân đấu để được khen cao (cấp tỉnh trở lên) chưa nhiều, một số ít HS chưa thực hiện tốt nội quy trường, lớp.

- Tự đánh giá:

+ Số tiêu chí đạt Mức 1: 4/4

- + Số tiêu chí đạt Mức 2: 4/4
- + Số tiêu chí đạt Mức 3: 4/4
- + Số tiêu chí không đạt: Không

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu: Trường THCS Yên Thanh trong những năm qua, được sự quan tâm và đầu tư của UBND thành phố, Phòng GDĐT và Ban đại diện CMHS cơ sở vật chất của nhà trường đã được tu bổ, cải tạo nên tương đối rộng rãi, khang trang, sạch đẹp. Trường có đầy đủ sân chơi, bãi tập, khu vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch và các phòng học, phòng chức năng, phòng thư viện, khối phòng phục vụ công tác quản lý đảm bảo yêu cầu về diện tích và các điều kiện thiết yếu để duy trì và đẩy mạnh các hoạt động giáo dục. Hệ thống nước sạch ổn định, hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu, công trình nhà vệ sinh, nhà để xe đạt chuẩn bảo đảm tốt cho các hoạt động của nhà trường. Những năm qua, nhà trường đã rà soát, tham mưu với cấp trên bổ sung mua sắm cơ sở vật chất, trang cấp TBDH, đảm bảo đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Tiêu chí 3.1 Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

b) Có cổng trường biển trường, và tường hoặc rào bao quanh

c) Khu sân chơi bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường

Mức 2: Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức, bãi tập.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường THCS Yên Thanh nằm ở khu Bí Giàng, Phường Yên Thanh. Trường có khuôn viên tương đối rộng rãi với tổng diện tích là 9609,5m² (tính bình quân đạt trên 15,9m²/HS). Khuôn viên nhà trường có cây xanh, đảm bảo yêu cầu xanh, sạch, đẹp, thoáng mát, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [H15-3.1-01].

Trường có cổng trường (gồm 01 cổng chính và 02 cổng phụ hai bên), biển tên trường được khắc tại cổng chính rõ ràng, hài hòa và theo đúng quy cách. Trường có tường rào bao quanh được xây dựng kiên cố, cách biệt với khu dân cư [H15-3.1-02].

Khu sân chơi, bãi tập hằng ngày được vệ sinh sạch sẽ, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Trường có khu đất riêng phía sau trường làm bãi tập, sân thể chất cho HS: đường chạy, hố cát, sân bóng đá mini....

đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường [H15-3.1-01]; [H15-3.1-02]; [H15-3.1-03].

Mức 2:

Nhà trường có sân chơi, bãi tập rộng rãi, sạch sẽ, có cây bóng mát, ghế đá. Sân trường có diện tích khoảng 3536m², được đổ bê tông bằng phẳng, đảm bảo an toàn cho HS vui chơi, sinh hoạt tập thể, có thể tổ chức được các hoạt động của cả trường như: Khai giảng, Ngày hội tiến bước lên đoàn, trung thu, đồng diễn thể dục, ngoại khóa,... Khu giáo dục thể chất với diện tích khoảng 2100m² (chiếm tỉ lệ 1/4 tổng diện tích khuôn viên nhà trường) có sân bóng đá mini, có hố nhảy xa, nhảy cao, đủ rộng để làm bãi tập thể dục, và tổ chức các hoạt động giáo dục khác cho HS [H1-1.1-02]; [H6-1.6-02].

Mức 3:

Nhà trường có diện tích đủ rộng, đảm bảo trên 6m²/HS (9609m²/595HS). Khu sân chơi, bãi tập có diện tích rộng rãi khoảng gần 6000m² (đảm bảo trên 25% tổng diện tích chung toàn trường). CB, GV, NV và HS nhà trường tham gia tích cực các hoạt động lao động dọn vệ sinh chung, chăm sóc bồn hoa, cây cảnh của trường, lớp mình và xây dựng phong trào thi đua giữ gìn vệ sinh khuôn viên trường lớp sạch đẹp, khu vực sân chơi, bãi tập đảm bảo an toàn. 100% các lớp thực hiện cam kết giữa các cá nhân HS và tập thể lớp với nhà trường trong việc giữ gìn khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập an toàn, sạch đẹp [H15-3.1-01]; [H15-3.1-02]; [H1-1.1-02]; [H6-1.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khuôn viên rộng rãi, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục; khu sân chơi, bãi tập có diện tích sử dụng đảm bảo đúng đủ theo quy định của Điều lệ trường THCS, đảm bảo an toàn trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục. Nhà trường có cổng trường, biển trường theo quy định của Điều lệ trường THCS, có tường rào bao quanh với chiều cao từ 1,5m trở lên đảm bảo an toàn trong trường học.

3. Điểm yếu

Tường rào của nhà trường được xây dựng kiên cố nhưng chưa được đầu tư đảm bảo thẩm mỹ, chưa tận dụng làm nơi tuyên truyền như vẽ tranh, các thông điệp mang nội dung giáo dục học đường. Nguồn kinh phí đầu tư cho cơ sở vật chất, đặc biệt là sân chơi, bãi tập còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc | Người thực hiện | Điều kiện | Thời gian | Nguồn kinh phí |
|-----------|-----------------|-----------|-----------|----------------|
|-----------|-----------------|-----------|-----------|----------------|

| Công việc | Người thực hiện | Điều kiện | Thời gian | Nguồn kinh phí |
|--|------------------------------|--|--------------------------------|-----------------------|
| Tạo bồn hoa, cây cảnh khu vực cửa lớp, ban công lớp học. | Tổng phụ trách đội, GVCN, HS | Tổng phụ trách đội khảo sát vị trí, loại cây trồng. GVCN, HS các lớp thực hiện | Từ đầu năm học 2024-2025 | Xã hội hoá |
| Trang trí vẽ tranh tường 2 bên công trường | GV mỹ thuật, GVCN, HS | Kế hoạch công tác đội | Tháng 9/2024 đến tháng 12/2024 | Nguồn ngân sách |
| Rà soát, sửa chữa, bổ sung các dụng cụ TDTT | Hiệu trưởng, GV thể dục | Kế hoạch sửa chữa, bổ sung thiết bị. | Tháng 8 đầu năm học | Nguồn ngân sách |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2 Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc HS, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho HS khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các TBDH theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho HS hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 15 phòng học kiên cố, đủ để đảm bảo mỗi lớp có 01 phòng học riêng, được xây dựng đảm bảo đúng quy cách, đúng chất lượng và tiêu chuẩn Nhà trường có đầy đủ bàn, ghế đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho HS. Kích thước, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc của bàn ghế HS đảm bảo theo yêu cầu của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKH-CN-BYT. Trong mỗi phòng học có hệ thống đèn chiếu sáng, quạt, một số lớp học có lắp điều hoà theo dự án phòng học thông minh của Sở GDĐT Quảng Ninh. Phòng học có đủ hệ thống cửa

kính, bảo thông thoáng về mùa hè, kín gió về mùa đông. Hằng ngày, các phòng học được vệ sinh sạch sẽ [H16-3.2-01]; [H16-3.2-02].

Trường có 05 phòng bộ môn: 01 phòng Công nghệ, 02 phòng Khoa học tự nhiên, 01 phòng Tin học và 01 phòng nghe nhìn tận dụng làm phòng học Nghệ thuật và học ngoại ngữ. Các phòng học bộ môn được trang bị tương đối đầy đủ các TBDH, trang trí đúng quy định và tổ chức quản lý hoạt động đảm bảo, được dọn dẹp, bổ sung thiết bị Hằng năm [H16-3.2-02].

Ngoài ra, trường còn có 01 phòng Đoàn - Đội, 01 phòng thư viện, 01 phòng Hội đồng và 01 phòng truyền thống của nhà trường là nơi lưu giữ hình ảnh, bề dày thành tích của nhà trường qua các năm học. Khôi phục vụ học tập đáp ứng tương đối yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H16-3.2-01]; [H16-3.2-02].

Mức 2:

Trường có 05 phòng bộ môn đảm bảo hoạt động thường xuyên tương đối có hiệu quả theo quy định.

Phòng học bộ môn hiện có được xây dựng chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích và chưa có phòng chờ theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT, Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020, ban hành quy định về phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông. Trường chưa có phòng học bộ môn Khoa học xã hội, chưa có phòng học ngoại ngữ, phòng học Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật) riêng còn tận dụng phòng nghe nhìn để hoạt động chung. Nhà trường cũng chưa có phòng đa chức năng. Thiết bị trong phòng học bộ môn còn thiếu, đặc biệt là các TBDH theo chương trình GDPT 2018 theo quy định của Bộ GDĐT [H16-3.2-02]; [H6-1.6-02]; [H1-1.1-02].

Khôi phục vụ học tập gồm: 01 thư viện, 01 phòng hoạt động Đoàn - Đội, 01 phòng truyền, 01 phòng nghe nhìn, 01 phòng họp. Các phòng đều được lắp đặt hệ thống quạt điện và đèn chiếu sáng phục vụ các hoạt động của nhà trường và theo quy định tại TCVN 8974: 2011 trường trung học – yêu cầu thiết kế về trường trung học do Bộ Khoa học và công nghệ ban hành [H16-3.2-02]; [H6-1.6-02].

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn chưa có đủ các TBDH theo quy định. Nhà trường chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho HS hoàn cảnh đặc biệt [H6-1.6-02]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng học theo quy định, trong đó có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc HS, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đảm bảo điều kiện về ánh sáng, thoáng mát. Các phòng học, phòng học bộ môn được trang bị các thiết bị dạy học như bảng viết, máy chiếu, hệ thống âm thanh... Nhà trường có bố trí phòng tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt, những học sinh khuyết tật tham gia tất cả các hoạt động giáo dục, vui chơi cùng với

những học sinh bình thường. Các phòng bộ môn đảm bảo hoạt động thường xuyên theo quy định.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có đủ thiết bị trong phòng học bộ môn theo quy định của Bộ GDĐT.

Việc sử dụng các thiết bị dạy học đã cũ, hỏng không mang lại hiệu quả cao trong công tác giảng dạy của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Dự kiến kinh phí (nếu có) |
|---|---|--|----------------------|---------------------------|
| Đề xuất trang cấp đồ dùng, TBDH. | BGH, Kế toán, nhân viên TBTN, Tổ chuyên môn | Tổ chuyên môn đề xuất nhà trường tham mưu với Phòng GDĐT, UBND Thành phố | Từ năm học 2024-2025 | không |
| Tham mưu hiệu quả với UBND thành phố Uông Bí xây dựng và bổ sung thêm các phòng học bộ môn. | Hiệu trưởng | Phù hợp với các quy định hiện hành | Từ năm học 2024-2025 | Chưa xác định |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) *Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*

b) *Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*

c) *Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2: Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và HS.

Mức 3: Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ phòng học tập cho 15 lớp và khối phòng hành chính - quản trị gồm: 02 phòng của BGH, 01 phòng Công đoàn, 01 phòng Đoàn Đội, 01 phòng kế toán - hành chính, 01 phòng y tế có đầy đủ trang thiết bị làm việc: bàn ghế, máy tính, máy in, nối mạng Internet. Nhà trường còn có 01 phòng hội đồng, 01 phòng thư viện, 01 phòng truyền thống, 01 phòng chờ của giáo viên, 01 phòng thiết bị, 01 phòng bảo vệ đều đảm bảo đầy đủ về trang thiết bị và phương tiện cho công tác hoạt động giáo dục theo quy định hiện hành được thể hiện trên hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường, sơ đồ tổng thể của nhà trường, trong sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục [H15-3.1-02]; [H16-3.2-02].

Nhà trường có khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên diện tích khoảng 70m² được bố trí sát với dãy nhà hiệu bộ, được lợp bằng tôn có chiều cao trên 3m, Nhà xe dành cho HS có diện tích trên 100m² được bố trí gần phòng bảo vệ, đảm bảo an toàn, trật tự [H17-3.3-01].

Hàng năm nhà trường đề ra kế hoạch sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị, kiểm tra tài sản và bổ sung các thiết bị nhằm đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường và có kế hoạch cụ thể cho việc sửa chữa, bổ sung [H17-3.3-02].

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị nhà trường có đầy đủ các phòng làm việc theo quy định, được bố trí hài hòa khoa học, được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ tốt cho hoạt động theo quy định. Các phòng làm việc này được bố trí tại vị trí thuận lợi cho công việc và quan sát các khu phòng học, có đủ các thiết bị tối thiểu đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người sử dụng [H16-3.2-01].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đủ thiết bị và phương tiện làm việc, hệ thống máy tính kết nối Internet, được sắp xếp hợp lý, khoa học, đảm bảo phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường, được các cấp có thẩm quyền ghi nhận [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Trường THCS Yên Thanh có khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng tương đối tốt các yêu cầu hoạt động tối thiểu của nhà trường. Khu để xe rộng rãi được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự, thẩm mỹ. Hàng năm nhà trường luôn tổ chức kiểm tra tài sản, thiết bị giáo dục và có kế hoạch sửa chữa, bổ sung các thiết bị.

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. Các phòng đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ bàn ghế, phương tiện làm việc, có hệ thống máy tính kết nối Internet phục vụ tốt hoạt động quản lý, hoạt động dạy và học của nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc sắp xếp các thiết bị, văn phòng ở văn phòng nhà trường chưa khoa học, gọn gàng.

Nguồn kinh phí của trường còn hạn hẹp nên các phòng bộ môn chưa có máy tính, máy chiếu phục vụ cho công tác giảng dạy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc | Người thực hiện | Điều kiện | Thời gian | Nguồn kinh phí |
|---|--|--------------------------|-------------------|----------------|
| Kiểm tra thường xuyên việc sử dụng, sắp xếp thiết bị, vật dụng tại các phòng hành chính, quản trị, văn phòng | Hiệu trưởng, TTVP | Kế hoạch kiểm tra nội bộ | Hàng tuần | Không |
| Thực hiện rà soát, đánh giá cơ sở vật chất định kỳ, từ đó đề xuất phương án khắc phục kịp thời, ưu tiên các trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác giáo dục của nhà trường | Hiệu trưởng, phụ trách cơ sở vật chất. | Kế hoạch công tác tháng | Trong các năm học | Không |

5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, HS đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho HS khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và HS;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có khu vệ sinh riêng cho HS nam, nữ (tổng diện tích trên 40m²) và khu vệ sinh dành cho giáo viên, nhân viên (diện tích 18m², trong đó có 01

phòng vệ sinh nam, 01 phòng vệ sinh nữ). Các khu nhà vệ sinh hoàn toàn khép kín và tự hoại, đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh sử dụng cho cả HS khuyết tật học hòa nhập (*Có hình ảnh minh họa*) [H18-3.4-01]; [H15-3.1-02].

Nhà trường có hệ thống thoát nước xung quanh trường với chiều dài khoảng 300m, chiều rộng 50cm, chiều sâu 60cm, được nạo vét Hàng năm trước mùa mưa [H15-3.1-02]. Nhà trường được cung cấp 01 máy lọc nước theo dự án cấp nước sạch của tỉnh Quảng Ninh, đảm bảo nước uống cho CB, GV, NV, HS. Nước uống được kiểm nghiệm 02 lần/năm theo quy định [H18-3.4-02]. Nhà trường sử dụng hệ thống nước máy của xí nghiệp nước Ưông Bí để cung cấp nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và HS qua hợp đồng cung cấp nước sạch [H18-3.4-03].

Nhà trường hợp đồng với 01 lao công quét dọn sân trường, khu hành chính - quản trị và vận chuyển rác đến nơi tập kết rác thải theo quy định [H18-3.4-01].

Mức 2:

Khu vệ sinh của GV và HS được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định, đảm bảo thuận tiện cho GV và HS tuy nhiên khu vệ sinh của HS diện tích chưa đủ rộng [H15-3.1-02]; [H18-3.4-01].

Hệ thống cấp nước sạch (nước uống, nước sinh hoạt) đảm bảo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học, cung cấp đủ lượng và đảm bảo chất lượng nước uống, nước sinh hoạt [H18-3.4-02]; [H18-3.4-03]. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học. Hệ thống cống rãnh được khơi thông, kiểm tra và tu sửa định kỳ Hàng năm [H18-3.4-04]; [H18-3.4-05]; [H15-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khu vệ sinh được xây dựng ở vị trí phù hợp, thuận tiện, sạch sẽ riêng cho CB, GV, NV, HS (*riêng cho nam và nữ*). Hệ thống nước sạch đảm bảo vệ sinh, việc thu gom và xử lý rác thải tốt, đảm bảo vệ sinh môi trường; nước uống đảm bảo đủ tiêu chuẩn, phục vụ đầy đủ cho GV và HS.

3. Điểm yếu

Hệ thống thoát nước bên ngoài khu vệ sinh HS đã xuống cấp;

Diện tích khu vệ sinh HS chưa đủ rộng, chưa có khu vệ sinh riêng dành cho HS khuyết tật.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc | Người thực hiện | Điều kiện | Thời gian | Nguồn kinh phí |
|---|--------------------------|---|-------------------|----------------|
| <p>- Tổ chức hoạt động tuyên truyền giáo dục ý thức tự giác của HS về vấn đề vệ sinh môi trường, bỏ rác đúng nơi quy định và có ý thức phân loại rác thải, nói không với đồ nhựa dùng một lần...</p> <p>- Giáo dục học sinh ý thức, giữ gìn vệ sinh, cảnh quan môi trường trong nhà trường và tăng cường công tác giám sát việc sử dụng các công trình công cộng của HS</p> | Tổng phụ trách Đội, GVCN | Phù hợp với Kế hoạch giáo dục nhà trường; Chương trình công tác Đội | Trong các năm học | Không |
| Tham mưu cấp trên xây dựng thêm khu nhà vệ sinh riêng biệt dành cho HS khuyết tật. | Hiệu trưởng | Phù hợp với Kế hoạch phát triển nhà trường | Tháng 8/2024 | Không |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường (theo quy định...);

b) Nhà trường có đủ TBDH đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định...;

c) Hàng năm các thiết bị được nhà trường kiểm kê, sửa chữa có văn bản kèm theo.

Mức 2:

a) Nhà trường có hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Nhà trường có đủ TBDH theo quy định ...;

c) Hàng năm nhà trường có bổ sung thêm các TBDH và TBDH tự làm.

Mức 3:

TBDH và TBDH tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có tương đối đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ hoạt

động của nhà trường gồm: 04 máy tính, 04 máy in, 01 máy scan. Các phòng học có lắp đặt hệ thống máy chiếu, màn chiếu, tivi, mạng internet phủ sóng toàn trường [H19-3.5-01].

Nhà trường có đủ TBDH đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định, mỗi phòng học còn được trang bị 01 bảng đen, 01 bộ bàn ghế cho giáo viên và có từ 15-18 bộ bàn HS từ 2 đến 3 chỗ ngồi đảm bảo kích cỡ và chất lượng. Các đồng chí giáo viên nhà trường tận dụng tối đa các TBDH sẵn có và tự làm để đảm bảo cho hoạt động dạy học theo chương trình hiện hành (lớp 9) và chương trình GDPT 2018 (lớp 6, 7, 8) [H19-3.5-02].

Định kỳ hằng năm, nhà trường kiểm kê, đánh giá tình trạng các thiết bị, thay thế những thiết bị hỏng không sử dụng được cho các phòng học, sửa chữa máy chiếu, máy tính, máy in, bàn ghế HS, mua bảng viết thay những chiếc đã mờ, làm biên bản xin tiêu hủy các hóa chất hết hạn sử dụng, xin bổ sung thêm hóa chất cũng như các thiết bị, dụng cụ thí nghiệm mới (*ghi trong biên bản kiểm kê tài sản của nhà trường*), bảng thống kê các thiết bị được sửa chữa hàng năm, hóa đơn hoặc hợp đồng sửa chữa các thiết bị [H19-3.5-03]; [H19-3.5-04].

Mức 2:

Nhà trường có hệ thống máy tính được kết nối mạng Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học, được thể hiện qua hợp đồng kết nối mạng LAN đang sử dụng và hóa đơn thanh toán dịch vụ internet theo quy định [H19-3.5-05]; [H19-3.5-06].

Nhà trường có đủ TBDH cơ bản. Các phòng học bộ môn có các TBDH tối thiểu cho từng môn học cụ thể,... Năm học 2023-2024 nhà trường được trang bị một số thiết bị, đồ dùng dạy học theo chương trình GDPT 2018. Ngay sau khi nhận bàn giao nhà trường đã chỉ đạo các bộ phận phụ trách sắp xếp, đưa vào sử dụng [H19-3.5-02].

Các môn học chưa có thiết bị GV và HS đã tự làm đồ dùng dạy học, sưu tầm các thí nghiệm, hình ảnh minh họa, ... phục vụ công tác giảng dạy [H19-3.5-03]; [H19-3.5-04]; [H19-3.5-07]; [H19-3.5-08]; [H16-3.2-01].

Mức 3:

Nhà trường chưa được trang cấp TBDH phục vụ chương trình GDPT 2018 nên đã phát động các tổ chuyên môn, giáo viên và HS cải tiến và tự làm đồ dùng dạy học phục vụ công tác giảng dạy, song đa số TBDH tự làm chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới [H19-3.5-07]; [H7-1.7-03]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Hệ thống kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học phủ sóng khắp toàn trường.

Nhà trường có đủ TBDH đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định. Tận dụng tối đa các TBDH sẵn có và tự làm để đảm bảo cho hoạt động dạy học theo chương trình hiện hành và chương trình GDPT 2018. Hàng năm nhà trường có bổ sung thêm các TBDH.

Tất cả giáo viên trong trường đều sử dụng TBDH và thực hiện thí nghiệm đầy đủ theo nội dung, yêu cầu quy định trong chương trình môn học.

3. Điểm yếu

Đồ dùng thiết bị dạy học chưa đáp ứng hết nhu cầu Chương trình GDPT 2018. Nhà trường có hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Tuy nhiên đường truyền internet nhiều khi không ổn định, mặc dù đã được đầu tư nâng cấp gây ảnh hưởng đến tiến trình dạy học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc | Người thực hiện | Điều kiện | Thời gian | Nguồn kinh phí |
|---|---|---|--------------------------|----------------|
| Tổ chức cuộc thi làm đồ dùng dạy học đối với giáo viên, HS | Phó hiệu trưởng; TTCM, GV | Kế hoạch các hoạt động chuyên môn, Stem | Trong các năm học | Không |
| Xây dựng quy chế thi đua, khen thưởng trong đó có chú trọng đến khen thưởng đối với các giáo viên có đổi mới sáng tạo và có đồ dùng tự làm hiệu quả | Hiệu trưởng; Hội đồng thi đua, khen thưởng | Phù hợp với các quy định hiện hành | Từ đầu năm học 2024-2025 | Chi khác |
| Sửa chữa các thiết bị phòng học thông minh | Hiệu trưởng, phụ trách cơ sở vật chất. | Phù hợp với các quy định hiện hành | Năm học 2024-2025 | Chi khác |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Thư viện được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện nhà trường đã đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hàng năm thư viện nhà trường đã được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên (theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông).

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và HS.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường THCS Yên Thanh có thư viện được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường đạt chuẩn theo quy định của Bộ GDĐT. Thư viện có các đầu sách phục vụ hoạt động giảng dạy của giáo viên (Sổ quản lý sách, tài liệu) **[H20-3.6-01]**.

Hoạt động của thư viện nhà trường đáp ứng được nhu cầu về tài liệu phục vụ nghiên cứu, dạy học của CB, GV, NV và HS như sách giáo khoa lớp 6, 7, 8, 9; sách bài tập bổ trợ và nâng cao các môn văn hóa, bách khoa trí thức tuổi trẻ, sách luật ATGT, truyện, tạp chí, một số sách dạy kỹ năng ứng xử trong các tình huống, các văn bản Nghị quyết (các văn bản Nghị quyết của Đảng, văn bản pháp luật của Nhà nước, ngành, liên Bộ, liên ngành), sách bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, sách nâng cao trình độ chuyên môn (Danh mục sách, tài liệu) **[H20-3.6-01]**.

Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo và các thiết bị giáo dục (Hồ sơ quản lý thư viện) **[H20-3.6-01]**.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt "Thư viện trường học đạt chuẩn" theo quy định. **[H20-3.6-01]**.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường mới chỉ đạt "Thư viện trường học đạt chuẩn" **[H20-3.6-01]**. Nhà trường có 01 máy tính để bàn được kết nối Internet phục vụ hoạt động của thư viện.

2. Điểm mạnh

Thư viện của nhà trường đạt "Thư viện trường học đạt chuẩn" theo quy định. Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, kịp thời cung cấp sách giáo khoa, sách tham khảo cho giáo viên góp phần phục vụ tốt trong việc giảng dạy của giáo viên.

Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Nhà trường đã đầu tư 01 máy tính được kết nối Internet phục vụ hoạt động của thư viện.

3. Điểm yếu

Nhân viên quản lý thư viện là giáo viên kiêm nhiệm, do vậy công tác bố trí, sắp xếp, thời gian phục vụ hoạt động thư viện còn hạn chế.

Nhà trường triển khai chưa có hiệu quả việc số hóa và sử dụng phần mềm trong quản lý và hoạt động của thư viện.

Thư viện nhà trường chưa đạt "Thư viện trường học tiên tiến".

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc | Người thực hiện | Điều kiện | Thời gian | Nguồn kinh phí |
|---|--|---|-------------------|----------------|
| Thực hiện mua sắm sách, báo, tài liệu phục vụ giáo viên và học sinh. | Hiệu trưởng; Kế toán | Phù hợp với các quy định hiện hành | Trong các năm học | Chi khác |
| Tổ chức tuyên truyền, góp sách báo, tài liệu, tăng thêm số lượng đầu sách cho thư viện. | Cán bộ thư viện tham mưu xây dựng kế hoạch, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm vận động CB, GV, NV và HS toàn trường | Kế hoạch công tác Đội | Cuối mỗi năm học | Không |
| Tổ chức giới thiệu và tập huấn sử dụng phần mềm quản lý thư viện cho GV, HS | NV phụ trách thư viện | Phù hợp với kế hoạch các hoạt động của nhà trường | Trong các năm học | Không |
| Phấn đấu đạt thư viện Tiên tiến | Hiệu trưởng, NV phụ trách | Đảm bảo các tiêu chuẩn theo QĐ 01/ Bộ GDĐT | Năm học 2024-2025 | Chi khác |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Theo yêu cầu của Điều lệ trường trung học về cơ sở, vật chất và trang TBĐH nhà trường đã đảm bảo đủ và đúng yêu cầu tối thiểu phục vụ cho hoạt động quản lý, dạy và học. Trong quá trình thực hiện, nhà trường đã thường xuyên rà soát, kiểm tra, đánh giá kịp thời để bổ sung, điều chỉnh, đáp ứng nhu cầu phát triển của phương pháp quản lý và dạy học hiện đại. Với các giải pháp phù hợp, nhà trường đã xây dựng hệ thống cơ sở vật chất và trang bị đồ dùng TBĐH đảm bảo đủ và đúng yêu cầu phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường. Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền tới mọi thành viên của nhà trường nêu cao tinh thần trách

nhệm trong sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, TBDH. Thường xuyên rà soát, kiểm tra để kịp thời bổ sung các danh mục thiết bị đã hư hỏng đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên.

- Tự đánh giá:

+ Số tiêu chí đạt Mức 1,2: 6/6

+ Số tiêu chí đạt Mức 3: 02

+ Số tiêu chí không đạt: Không

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu: Theo điều lệ trường THCS, nhà trường phải chủ động phối hợp thường xuyên và chặt chẽ với gia đình và xã hội để xây dựng môi trường giáo dục thống nhất nhằm thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thường xuyên tổ chức có hiệu quả các hoạt động của Ban đại diện CMHS. Đồng thời, nhà trường luôn phối hợp với chính quyền, đoàn thể địa phương, Ban đại diện CMHS, các tổ chức chính trị - xã hội và cá nhân có liên quan. Tất cả các mối quan hệ đó đều nhằm mục đích thống nhất quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội để thực hiện mục tiêu giáo dục.

Trong quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục, nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương, để huy động nguồn lực của cộng đồng chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, góp phần xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục của nhà trường; xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, ngăn chặn những hoạt động có ảnh hưởng xấu đến HS; tạo điều kiện để HS được vui chơi, hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao lành mạnh phù hợp với lứa tuổi, xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục thân thiện, tích cực.

Một nhiệm vụ quan trọng nữa là nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc, giáo dục đạo đức, pháp luật, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục kỹ năng sống cho HS nhằm thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục một cách toàn diện.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ HS

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS; huy động HS đến trường, vận

động HS đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Ban đại diện CMHS gồm 03 đồng chí được thành lập và hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GDĐT) [H21-4.1-01].

Hàng năm Ban đại diện CMHS đề ra kế hoạch hoạt động, giải pháp thực hiện, phương hướng và chương trình hành động cả năm dựa trên kế hoạch năm học của trường, có phân công đầy đủ các chức danh phụ trách theo mảng công việc và hoạt động theo quy chế [H21-4.1-02].

Ban đại diện CMHS của trường họp với Ban đại diện CMHS của các lớp và BGH nhà trường, GVCN toàn trường định kỳ 03 lần/năm; Ban đại diện CMHS của lớp tổ chức họp định kỳ với GVCN lớp 03 lần/năm. Ngoài ra còn có một số cuộc họp đột xuất nhằm tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục HS, vận động HS ra lớp, giải quyết các kiến nghị của CMHS, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện CMHS (*Các biên bản họp cha mẹ HS hàng năm*) [H21-4.1-03].

Mức 2:

Ban đại diện CMHS phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; phối hợp với GVCN để chăm lo cho HS khó khăn, khen thưởng HS giỏi. Ban đại diện CMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường và các cơ quan trong việc hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS (V/v tăng cường chấn chỉnh hoạt động học thêm dạy thêm, phòng chống dịch bệnh Covid, phòng chống ma túy, bạo lực học đường, làm căn cước công dân, định danh điện tử, ...). Ban đại diện CMHS còn phối hợp với GVCN và CBQL nhà trường đến vận động HS ra lớp khi HS có nguy cơ bỏ học [H21-4.1-04].

Mức 3:

Ban đại diện CMHS Hàng năm đã xây dựng kế hoạch hoạt động định kì và đột xuất theo từng học kì, năm học và sinh hoạt theo quy định, phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể của nhà trường, góp phần cùng nhà trường thực hiện tốt công tác khen thưởng HS có thành tích trong học tập, rèn luyện; tự nguyện đóng góp kinh phí để hỗ trợ hoạt động học tập của HS; góp ý cho các hoạt động giáo dục của nhà trường; tham gia các hoạt động ngoại khóa của trường; hỗ trợ nhà trường trong công tác XHH; kêu gọi các nguồn lực trong xã hội và nhân dân đóng góp xây dựng nhà trường: tu bổ vườn hoa, cây cảnh, lắp máy chiếu cho các phòng học ... Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để CMHS, Ban đại diện CMHS

lớp, Ban đại diện CMHS trường thực hiện Điều lệ Ban đại diện CMHS và nghị quyết đầu năm học [H21-4.1-05];[H21-4.1-06];[H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS nhà trường được thành lập, xây dựng kế hoạch và hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS.

Hàng năm Ban đại diện CMHS nhà trường luôn tích cực phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS; huy động HS đến trường, vận động HS đã bỏ học trở lại lớp. Nhà trường và Ban đại diện CMHS có mối quan hệ mật thiết trong các hoạt động giáo dục chung, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho HS. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho Ban đại diện CMHS hoạt động có hiệu quả. Nhà trường có các cuộc họp định kỳ và đột xuất với Ban đại diện CMHS để đánh giá hoạt động và rút kinh nghiệm.

3. Điểm yếu

Nhiều bậc CMHS, HS chưa thật sự quan tâm đến việc học của con em mình nên thường xuyên vắng họp. Ban đại diện CMHS còn bận nhiều việc gia đình nên việc liên hệ, phối kết hợp với nhà trường đôi khi chưa kịp thời. Công tác xã hội hóa phục vụ các hoạt động giáo dục chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc | Người thực hiện | Điều kiện | Thời gian | Nguồn kinh phí |
|---|--------------------------------|---|----------------|----------------|
| Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường với Ban đại diện CMHS. Xây dựng quy chế phối hợp thể hiện rõ trách nhiệm của từng bên trong công tác giáo dục HS. | Hiệu trưởng | Quy chế phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện CMHS | Từ đầu năm học | |
| Sau mỗi học kỳ và năm học Ban đại diện CMHS đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch hoạt động, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với thực tế, quan tâm hơn đến những HS có hoàn cảnh khó khăn, HS năng khiếu. | Ban đại diện CMHS (trưởng ban) | Kế hoạch hoạt động Ban đại diện CMHS | 3 lần/năm học | Không |
| Tham mưu, lựa chọn những cha mẹ HS nhiệt tình, trách nhiệm, có năng lực, thời gian vào Ban đại diện CMHS các lớp và nhà trường. | GVCN | Không | Từ đầu năm học | Không |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, TDTT và các nội dung giáo dục khác cho HS; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường THCS Yên Thanh luôn chủ động tham mưu với các cấp Đảng ủy chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục như: công tác tuyển sinh đầu cấp và vận động học sinh có nguy cơ bỏ học ra lớp, công tác chuẩn bị cho năm học mới, công tác phổ cập giáo dục, xây dựng cơ sở vật chất, công tác quản lý về dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường, công tác bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu kém, tổ chức, tham gia các cuộc thi chọn HSG, KHKT; tổ chức các hoạt động ngoại khóa, ... [H22-4.2-01].

Nhà trường tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau: qua các cuộc họp, phương tiện truyền thông, ngoại khóa [H22-4.2-02]. Qua các cuộc họp cha mẹ HS tuyên truyền về: phổ biến pháp luật, kế hoạch giáo dục nhà trường, các kế hoạch cụ thể triển khai nhiệm vụ năm học, tổ chức tuyển sinh lớp 6 [H1-1.1-02].

Hàng năm nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân như: trang trí lớp học, khen thưởng HS có thành tích xuất sắc trong năm học, hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn [H22-4.2-02];[H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển thông qua “Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025”, được đánh giá thông qua hệ thống báo cáo liên quan của chi bộ đảng, nhà trường, công đoàn và các tổ chức khác trong nhà trường [H1-1.1-02].

Nhà trường chủ động phối hợp với Công an phường Yên Thanh xây dựng quy chế đảm bảo an ninh, trật tự trường học; phối hợp với Trạm Y tế phường Yên Thanh tuyên truyền về phòng chống tai nạn thương tích, đảm bảo vệ sinh an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho HS [H22-4.2-01]. Ngoài ra, nhà trường còn phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, TDTT và các nội dung giáo dục khác cho HS; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương được lưu tại sở công tác Đội và các hình ảnh hoạt động của Liên đội [H22-4.2-02]; [H22-4.2-03]; [H1-1.1-02].

Mức 3:

Nhà trường tích cực tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Nhà trường tích cực cử HS tham gia các sự kiện văn hóa tổ chức tại địa phương như: Lễ hội đình chùa Bí Giàng; Lễ hội Đình, nghề Lạc Thanh; các hoạt động cao điểm hưởng ứng ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân; lễ ra quân bảo vệ môi trường, ... [H22-4.2-02]; [H22-4.2-03]. Nhà trường đã được công nhận "Cơ quan văn hóa" [H22-4.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tích cực tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục, phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia của nhà trường. Đồng thời tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường đến toàn thể các bộ, giáo viên, nhân viên, HS, cha mẹ HS, các tổ chức xã hội nhằm huy động và sử dụng tối đa các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định phục vụ cho hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tích cực phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân trong và ngoài nhà trường để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, TDTT và các nội dung giáo dục khác cho HS; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia

đình có công với cách mạng ở địa phương. Nhiều năm liền nhà trường được công nhận "Cơ quan văn hóa".

3. Điểm yếu

Việc huy động các nguồn lực từ các tổ chức xã hội, cá nhân và các doanh nghiệp trên địa bàn để xây dựng cơ sở vật chất còn hạn chế. Việc huy động kinh phí ở địa phương còn gặp nhiều khó khăn nên nhà trường chưa tổ chức được nhiều hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp cho HS theo kế hoạch.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc | Người thực hiện | Điều kiện | Thời gian | Nguồn kinh phí |
|---|-----------------|--|----------------|----------------|
| Xây dựng kế hoạch vận động xã hội hoá cụ thể, hợp lý sát thực tế hơn. | Hiệu trưởng | Phù hợp với kế hoạch giáo dục của nhà trường | Từ đầu năm học | |
| Tăng cường việc phối hợp toàn diện với các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội, đặc biệt là Ban đại diện cha mẹ HS để tổ chức thường xuyên các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, các chương trình thăm quan các di tích văn hóa, lịch sử để bồi dưỡng cho HS kiến thức về truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc. | CBQL, GVCN | Phù hợp với kế hoạch giáo dục của nhà trường | Từ đầu năm học | Không |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận Tiêu chuẩn 4:

Những năm qua kết quả hoạt động giáo dục về mọi mặt của nhà trường có sự chuyển biến tích cực. Đạt được những thành quả ấy là nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, sự nỗ lực của nhà trường và sự đóng góp to lớn của các đoàn thể địa phương, Ban đại diện CMHS, của toàn xã hội. Nhà trường đã tranh thủ sự chỉ đạo của cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương, sự hỗ trợ của các tổ chức đoàn thể, các tổ chức xã hội, huy động mọi nguồn lực trong cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Đây cũng là một thành công lớn của nhà trường.

Tuy nhiên, ngoài những thành quả đã đạt được, để phát triển giáo dục theo chiều sâu và lâu dài, nhà trường cần thực sự chú ý tới việc tăng cường xã hội hóa giáo dục, huy động tối đa sự đóng góp của doanh nghiệp trên địa bàn và nhân dân để xây dựng cơ sở vật chất; tăng cường phối kết hợp tốt với Ban đại diện CMHS trong việc giáo dục toàn diện HS.

- Tự đánh giá:

- + Số tiêu chí đạt mức 1: 2/2
- + Số tiêu chí đạt mức 2: 2/2
- + Số tiêu chí đạt mức 3: 2/2
- + Số tiêu chí không đạt: Không

Kết luận: Đạt mức 3**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

Mở đầu: Để đạt được mục tiêu giáo dục của Bộ GDĐT quy định, nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục bao gồm hoạt động trong giờ lên lớp và hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm giúp HS phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho HS tiếp tục học lên các bậc học cao hơn. Căn cứ vào chương trình giáo dục và kế hoạch thời gian năm học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục địa phương, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục và thời khoá biểu để điều hành hoạt động giáo dục, dạy học. Nhà trường có kế hoạch giáo dục và tổ chức cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục. Hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục của cấp học do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành. Đồng thời việc đổi mới phương pháp dạy học nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức vươn lên, rèn luyện khả năng tự học của HS. Bên cạnh đó, nhà trường cũng đã tăng cường các hoạt động bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu, kém để nâng cao chất lượng đại trà. Hoạt động ngoài giờ lên lớp bao gồm các hoạt động ngoại khóa theo chủ đề, chủ điểm từng tuần, từng tháng, bám sát các hoạt động chính trị của địa phương, của đất nước và chương trình GDPT.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông***Mức 1:***

- a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;*
- b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng HS và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;*
- c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá HS đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.*

Mức 2:

a) *Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của HS;*

b) *Phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo HS gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, HS.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường tổ chức giảng dạy đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Đối với từng môn học, nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn rà soát, điều chỉnh nội dung dạy học trong chương trình GDPT hiện hành theo hướng tinh giản những nội dung dạy học vượt quá mức độ cần đạt, rà soát điều chỉnh để tránh trùng lặp nội dung giữa các môn học, hoạt động giáo dục, bổ sung, cập nhật những thông tin mới phù hợp thay cho những thông tin cũ, lạc hậu, sắp xếp lại các tiết học trong sách giáo khoa thành một số bài học theo chủ đề. Việc điều chỉnh trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng, phát triển phẩm chất, năng lực cho HS theo chương trình GDPT đã quy định tại Quyết định số 16/2006/QĐ- BGDDĐT. Năm học 2023-2024 đối với lớp 6, 7, 8 nhà trường tổ chức thực hiện chương trình GDPT 2018 quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT [H23-5.1-01]; [H8-1.8-01]; [H1-1.1-04]; [H4-1.4-03]

Nhà trường chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học ở tất cả các bộ môn, lĩnh vực dạy học và được cụ thể hóa trong kế hoạch tháng của các tổ chuyên môn [H4-1.4-03], chú trọng sử dụng phương pháp dạy học tích cực theo định hướng lấy HS làm trung tâm (gợi mở - vấn đáp; nêu và giải quyết vấn đề; hoạt động nhóm...) với những kỹ thuật dạy học tích cực (lược đồ tư duy, mảnh ghép, động não,...) và tổ chức các hoạt động dạy học phát triển năng lực của HS (giao nhiệm vụ học tập, tổ chức HS thực hiện nhiệm vụ học tập, báo cáo kết quả học tập); tích cực ứng dụng CNTT phù hợp với nội dung bài học; bảo đảm cân đối giữa trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng và định hướng thái độ, hành vi cho HS; chú ý việc tổ chức dạy học phân hoá phù hợp các đối tượng HS khác nhau. Bên cạnh đó các giáo viên đặc biệt chú ý bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho HS thông qua các hoạt động học tập theo nhóm, tự làm các sản phẩm học tập, sản phẩm Stem, ... [H4-1.4-03]. Việc đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên được thể hiện thông qua kế hoạch giáo dục, các phiếu dự giờ [H23-5.1-02], các buổi sinh hoạt chuyên môn [H23-5.1-03], chuyên đề [H2-1.2-03], đề tài, sáng kiến kinh nghiệm được các cấp công nhận [H4-1.4-05]; [H1-1.1-02].

Các hình thức kiểm tra, đánh giá HS đa dạng đảm bảo khách quan, linh hoạt các hình thức kiểm tra miệng (hỏi-đáp), kiểm tra viết, kiểm tra thực hành, sản phẩm học tập, ...; đối với các bài kiểm tra thường xuyên (miệng, kiểm tra viết, thực hành dưới một tiết) với môn học có 1 tiết trở xuống/tuần ít nhất 2 lần, môn học có từ trên 1 tiết đến dưới 3 tiết/tuần ít nhất 3 lần, môn học có từ 3 tiết trở lên/tuần ít nhất 4 lần. Kiểm tra định kì thực hiện đúng quy định trong kế hoạch dạy học. Đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập đối với các môn Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục (Giáo dục thể chất), Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, Giáo dục địa phương; kết hợp giữa đánh giá bằng cho điểm và nhận xét kết quả học tập đối với môn Giáo dục công dân, đánh giá bằng cho điểm đối với các môn học Toán, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Ngoại ngữ, Công nghệ [H23 - 5.1 - 02].

Nhà trường chỉ đạo đổi mới kiểm tra đánh giá HS, đa dạng hóa hình thức kiểm tra. Giáo viên chú trọng, linh hoạt đánh giá thường xuyên (qua các hoạt động trên lớp, qua hồ sơ, sản phẩm học tập, qua báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm, thuyết trình... về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập) và đúng quy định đối với kiểm tra định kì theo từng môn học (theo ma trận, đủ các cấp độ nhận thức, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao...) gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận, trắc nghiệm) và tỉ lệ mức độ nhận thức các câu hỏi, bài tập phù hợp với đối tượng HS (đảm bảo chuẩn kiến thức, kĩ năng) và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập mức độ vận dụng (cao, thấp) [H23-5.1-02]; [H23-5.1-03]; [H4-1.4-03]. Từ năm học 2020-2021 đánh giá HS theo thông tư 58 và thông tư 26 của Bộ GDĐT. Năm học 2023-2024 đánh giá HS lớp 6, 7, 8 theo thông tư 22 của Bộ GDĐT [H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường đã chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục đã xây dựng và được phê duyệt. Nội dung kế hoạch giáo dục của nhà trường được cụ thể hóa gồm: Kế hoạch giáo dục các môn học và Kế hoạch các hoạt động giáo dục (Trải nghiệm hướng nghiệp, ngoại khóa, kỹ năng sống, giáo dục khuyết tật, giáo dục địa phương, giáo dục STEM,...) với các hình thức giáo dục đa dạng phong phú: theo lớp, theo nhóm, cá nhân, trải nghiệm, tham quan. Nhà trường chỉ đạo điều chỉnh nội dung, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của HS. Đặc biệt trong 3 năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022, thực hiện dạy học đáp ứng yêu cầu phòng chống dịch Covid, nhà trường đã nhiều lần điều chỉnh nội dung, phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá đảm bảo an toàn sức khỏe cho CB, GV, HS và vẫn hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ năm học [H1-1.1-04]; [H4-1.4-03]; [H8-1.8-01]; [H23-5.1-02]; [H23-5.1-04]; [H1-1.1-02].

Căn cứ kết quả khảo sát học lực của HS đầu năm học và kết quả học tập từ năm học trước, nhà trường tiến hành phân loại, xây dựng và triển khai cụ thể kế hoạch phát hiện và bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, giáo dục HS khuyết tật, thành lập đội tuyển dự thi HS giỏi cấp Thành phố, cấp Tỉnh, bồi dưỡng HS có năng khiếu, hàng năm tỷ lệ HS giỏi cấp

thành phố, cấp Tỉnh đạt kết quả tương đối cao từ 5 đến 14 HS/năm [H4-1.4-03]; [H1-1.1-02].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, HS [H1-1.1-04]. Thực hiện sự chỉ đạo của ngành về đổi mới phương pháp dạy học trong nhà trường ở tất cả các bộ môn, lĩnh vực dạy học và được cụ thể hóa trong kế hoạch tháng của các tổ chuyên môn. Trong mỗi buổi sinh hoạt chuyên môn, tổ trưởng đã thực hiện việc triển khai kế hoạch có sự điều chỉnh để phù hợp với thực tế, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch giáo dục, theo kế hoạch giáo dục các môn học. Chất lượng dạy học của giáo viên được thể hiện thông qua các chuyên đề, đề tài, sáng kiến kinh nghiệm được các cấp công nhận, được đánh giá trong báo cáo hàng năm của tổ chuyên môn và nhà trường [H4-1.4-03]; [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục hàng năm. Các kế hoạch dạy học được vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng HS và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho HS. Trong từng năm học nhà trường thường xuyên đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học, kiểm tra đánh giá theo sự chỉ đạo của ngành: các hình thức kiểm tra, đánh giá HS đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Công tác phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu, HS giỏi, phụ đạo HS gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện đã được nhà trường triển khai hàng năm và chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện đạt kết quả tương đối tốt.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực chưa linh hoạt, chưa bám sát vào đối tượng HS. Trong một số hoạt động dạy học, giáo viên chưa chú trọng nhiều đến khả năng tự học, khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kiến thức vào thực tiễn cho HS.

Việc thực hiện khai thác không gian mạng internet và sử dụng một số phần mềm trong việc tổ chức các hoạt động học tập cho HS và tổ chức sinh hoạt chuyên môn của các tổ, nhóm chuyên môn, của giáo viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|---|--|-------------------------------|--|----------------|
| Đổi mới cải tiến sinh hoạt tổ chuyên môn, đi sâu bàn sử dụng phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học tích cực, sát đối tượng HS, phát huy năng lực phẩm chất HS, quan tâm hướng dẫn HS khả năng tự học, khả năng làm việc theo nhóm và vận kiến thức vào thực tiễn. | Tổ chuyên môn | Phù hợp với tình hình thực tế | Từ đầu năm học 2024-2025; Thực hiện hàng tháng | Không |
| Tập huấn sử dụng phần mềm, ứng dụng dạy học trên internet. tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong dạy học. | Phó hiệu trưởng làm đầu mối; các tổ chuyên môn thực hiện | Mời chuyên gia | Tháng 9/2024 | Chưa xác định |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hàng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có HS năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HS có năng khiếu về TDTT, văn hoá, văn nghệ và năng khiếu về các môn học văn hoá, phụ đạo HS

yếu về kĩ năng giao tiếp, về môn học và khó khăn trong học tập và rèn luyện [H24-5.2-01].

Nhà trường tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch bồi dưỡng HS giỏi các môn văn hóa, HS có năng khiếu về văn hóa, văn nghệ, TDTT, phụ đạo HS yếu về kĩ năng giao tiếp, về môn học và khó khăn trong học tập và rèn luyện. Trong kế hoạch nhà trường đã đề ra những chỉ tiêu và biện pháp cụ thể, phù hợp với thực tiễn nhà trường nhằm giúp đỡ các em vươn lên trong học tập, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H24-5.2-01]; [H23-5.1-02].

Các tổ chuyên môn, giáo viên thực hiện việc rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để điều chỉnh, bổ sung kịp thời các biện pháp thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tế. GVCN thường xuyên nắm bắt hoàn cảnh của HS lớp mình, từ đó phát hiện và có biện pháp giúp đỡ, phối kết hợp với giáo viên bộ môn, các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường nhằm hỗ trợ tích cực cho HS khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được thể hiện trong Sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp [H4-1.4-03, sổ chủ nhiệm [H5-1.5-02].

Mức 2:

HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được giáo viên, nhà trường quan tâm giáo dục đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch [H1-1.1-02]

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường có HS năng khiếu về các môn học, hoạt động TDTT, nghệ thuật múa hát được cấp có thẩm quyền ghi nhận. Mỗi năm thành lập từ 05 đến 09 đội tuyển HS giỏi các môn văn hoá, dự thi chọn HS giỏi cấp thành phố, cấp tỉnh; các đội HS tham dự đủ các giải thể dục, thể thao, văn nghệ do thành phố tổ chức. Mỗi năm nhà trường có từ 5 đến 14 lượt HS đạt giải trong kì thi chọn HS giỏi cấp thành phố, 1 đến 5 lượt HS đạt giải cấp tỉnh. HS tham gia các giải TDTT, văn nghệ đạt kết quả cao [H24-5.2-02].

2. Điểm mạnh

Trong 05 năm qua nhà trường xây dựng, triển khai thực hiện và rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Kết quả các hoạt động đáp ứng được mục tiêu theo kế hoạch giáo dục.

Tổ chức thực hiện tốt hoạt động bồi dưỡng HS giỏi, giúp đỡ phụ đạo HS yếu kém, HS có hoàn cảnh khó khăn, chậm tiếp thu theo kế hoạch của nhà trường và theo quy định của các cấp quản lý giáo dục.

Thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với HS có hoàn cảnh khó khăn, các HS thuộc diện chính sách.

3. Điểm yếu

Kết quả công tác bồi dưỡng HS giỏi dự thi cấp thành phố, cấp tỉnh các năm không đồng đều, có chiều hướng đi xuống và còn thấp ở bộ môn Địa lý, Hoá học, môn Toán. Một số môn đã từng có giải cao (GDCCD, Sinh học) nhưng không ổn định về số lượng và chất lượng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|---|------------------------------|-------------------------------|--------------------------|----------------|
| Tăng cường phân loại HS phát hiện HS giỏi, thành lập đội tuyển HS giỏi đối với tất cả các môn học | Tổ chuyên môn | Phù hợp với tình hình thực tế | Từ tháng 8/2024 | Không |
| Xây dựng và tổ chức hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đạt mục tiêu giáo dục | Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | Phù hợp với tình hình thực tế | Từ đầu năm học 2024-2025 | Chưa xác định |
| Bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cốt cán, chú trọng công tác tự bồi dưỡng của giáo viên. Có kế hoạch mời chuyên gia, giáo viên giàu kinh nghiệm trong công tác bồi dưỡng HS giỏi | Hiệu trưởng | Phù hợp với tình hình thực tế | Từ tháng 8/2024 | Chưa xác định |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho HS được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá HS về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học năm học 2023-2024, nhà trường thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa

phương ở cấp THCS và cấp THPT từ năm học 2008-2009 giảng dạy nội dung giáo dục địa phương theo tài liệu của Sở GDĐT Quảng Ninh biên soạn ở các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí đối với lớp 9; thực hiện môn Giáo dục địa phương đối với lớp 6, 7, 8 theo chương trình GDPT 2018 đúng đủ 35 tiết/năm, nội dung theo tài liệu lưu hành nội bộ của tỉnh Quảng Ninh. Nội dung giáo dục địa phương thể hiện trong kế hoạch giáo dục môn học, sổ ghi đầu bài [H25-5.3 -01]; [H25-5.3-02]; [H8-1.8-03].

Nhà trường tổ chức thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá HS về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả thông qua các bài kiểm tra, các bài thu hoạch, hồ sơ học tập của HS. Năm học 2023-2024 thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ môn Giáo dục địa phương đối với lớp 6, 7,8 theo đúng TT22/BGDĐT [H5-1.5-05].

Hàng năm, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương theo quy định. Năm học 2020-2021; 2021-2023; 2022-2023 thực hiện góp ý cho chương trình GDĐP lớp 6, 7, 8 của tỉnh Quảng Ninh nhằm phát huy mặt tích cực và rút kinh nghiệm những mặt còn hạn chế để điều chỉnh cho phù hợp. Việc đánh giá công tác thực hiện giáo dục địa phương thông qua các biên bản, báo cáo của tổ chuyên môn, báo cáo đề tài, sáng kiến kinh nghiệm của giáo viên và báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của nhà trường [H4-1.4-03]; [H1-1.1-02].

Mức 2:

Đối với các môn có nội dung giáo dục địa phương, giáo viên bộ môn vẫn thực hiện bộ tài liệu dạy học chương trình giáo dục địa phương do Sở GDĐT Quảng Ninh biên soạn. Trong quá trình thực hiện giáo viên chủ động bổ sung những nội dung mới phù hợp thực tế hiện nay theo sự chỉ đạo của chuyên môn và đã biết chọn lọc các nội dung bài dạy phù hợp với mục tiêu môn học và gắn với thực tiễn địa phương mình [H4-1.4-03]. Hàng năm, nhà trường tiến hành đánh giá nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy định của Bộ GDĐT, theo các văn bản chỉ đạo của Sở và Phòng GDĐT về nội dung giáo dục địa phương. HS được tiếp cận những nội dung kiến thức về địa lý, lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, TDTT của địa phương kịp thời. Thông qua hoạt động giáo dục địa phương, HS được tham quan thực tế các di tích lịch sử, địa lý ở địa phương, làm tăng vốn hiểu biết về truyền thống lịch sử, truyền thống đấu tranh cách mạng, giáo dục lòng tự hào về quê hương, đất nước. Tài liệu về địa phương phổ biến rộng rãi, giáo viên và HS có điều kiện để tham gia tìm hiểu và học tập. Các hình thức kiểm tra, đánh giá HS về nội dung giáo dục địa phương luôn được đảm bảo khách quan và hiệu quả. Hàng năm, nhà trường luôn hướng dẫn giáo viên rà soát, đánh giá, cập nhật, góp ý, đề xuất điều chỉnh tài liệu giáo dục địa phương.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức học tập giáo dục địa phương cho HS chưa linh hoạt, giáo viên chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình qua tài liệu, hình ảnh nên hiệu quả chưa cao, chưa phát huy được tính tích cực và vốn kiến thức thực tế của HS. Các hoạt động tìm hiểu thực tế, ngoại khóa tham quan các địa điểm lịch sử, danh thắng tại địa phương chưa được nhiều do đòi hỏi phải có kinh phí và biện pháp tổ chức phù hợp.

Giáo viên và HS chưa cập nhật, khai thác, sử dụng tài liệu giáo dục địa phương một cách tối đa, đặc biệt là trên các trang thông tin điện tử. Tài liệu phục vụ giáo dục địa phương chưa phong phú.

Việc phân công giảng dạy môn giáo dục địa phương theo chương trình GDPT 2018 (theo từng chủ đề) gặp nhiều khó khăn, bất cập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|---|---------------------------------------|---|---------------------|----------------|
| Tăng cường ngoại khóa tham quan lịch sử địa phương, đa dạng hóa hình thức dạy học, phát huy tính tích cực của HS | Tổ chuyên môn, GV | Phù hợp với tình hình thực tế | Từ tháng 9/2024 | Huy động XHH |
| Cập nhật, khai thác, sử dụng các thông tin mới của địa phương, trên các trang thông tin điện tử của tỉnh Quảng Ninh kịp thời. | Tổ chuyên môn | Trang cổng thông tin của Tỉnh, thành phố. | Từ đầu năm học | Không |
| Tổ chức các hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học các nội dung liên quan đến giáo dục địa phương. | Tổ CM kết hợp nhà trường, liên trường | Phù hợp với tình hình thực tế | Trong các năm học | Không |
| Linh hoạt trong phân công giảng dạy các chủ đề môn giáo dục địa phương cho phù hợp. | Phó hiệu trưởng | Phan công giảng dạy, thời khóa biểu | Từ đầu năm học | Không |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) *Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

Mức 2:

Hàng năm nhà trường đều có kế hoạch triển khai và thực hiện các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp ngay từ đầu năm học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường. Năm học 2023-2024 thực hiện kế hoạch theo chương trình GDPT 2018 đối với lớp 6, 7, 8 môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với điều kiện của nhà trường, của gia đình HS và của địa phương [H26-5.4-01]; [H8-1.8-01].

Việc tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch nhà trường đã xây dựng từ đầu năm được thể hiện trong kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn của giáo viên [H23-5.1-02], báo cáo chuyên đề, báo cáo cuối năm [H1-1.1-02], sổ theo dõi, đánh giá HS [H5-1.5-05], sổ chủ nhiệm [H5-1.5-02], hình ảnh minh họa [H26-5.4-02].

Để thực hiện được nhiệm vụ trên nhà trường phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp từ 50% giáo viên, nhân viên tham gia thể hiện trong kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm [H26-5.4-01] và hình ảnh dữ liệu [H4-1.4-03], báo cáo sơ, tổng kết [H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường triển khai các kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp cho HS với các hình thức phong phú phù hợp như: tham quan học tập và trải nghiệm thực tế tại các địa điểm du lịch, các khu tưởng niệm, các địa danh tại địa phương như: Cổng tỉnh, thư viện và nhà truyền thống thành phố, chùa Ba Vàng, khu du lịch và danh thắng Yên Tử, Đình chùa Lạc Thanh, Đình, nghề Bí Giàng, Đình Đền Công, ... Đối với công tác hướng nghiệp cho HS khối 9 được nhà trường thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục hướng nghiệp với 9 chủ đề/năm học (18 tiết). Nhà trường phối hợp với các trường đào tạo nghề (Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc, Trường Cao đẳng Nghề xây dựng, Trường Cao đẳng Công nghiệp và xây dựng, trường Cao đẳng than khoáng sản;...) tổ chức các buổi tư vấn tại trường, trải nghiệm thực tế tại các trường nghề giúp HS hiểu, yêu lao động, bước đầu cảm nhận sự phù hợp của bản thân đối với một số nghề tiêu biểu, phù hợp xu thế phát triển của Uông Bí, Quảng Ninh. Từ các giải pháp trên, trong những năm gần đây công tác phân luồng sau khi tốt nghiệp THCS tại trường THCS Yên Thanh đạt hiệu quả cao [H8-1.8-01]; [H4-1.4-03].

Nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để rút kinh nghiệm cho các hoạt động trong năm học sau, thể hiện trong biên bản rút kinh nghiệm sau khi thực hiện chuyên đề trong sổ sinh hoạt chuyên môn và báo cáo cuối năm [H4-1.4-03]; [H1-1.1-02].

Biểu: Thống kê số lượng HS vào học tại các trường đào tạo nghề sau tốt nghiệp THCS trong 5 năm qua.

| Năm học | Tổng số HS tốt nghiệp THCS | Số lượng HS vào học các trường đào tạo nghề | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|-----------|----------------------------|---|---------|---------|
| 2019-2020 | 110 | 8 | 7,3 | |
| 2020-2021 | 105 | 7 | 6,7 | |
| 2021-2023 | 119 | 30 | 25,2 | |
| 2022-2023 | 132 | 44 | 33,3 | |
| 2023-2024 | 148 | 49 | 33,1 | |

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ngay từ đầu năm học đồng thời thực hiện tốt kế hoạch đề ra. Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức phù hợp với HS, thu hút nhiều HS tham gia.

Nhà trường kết hợp với GVCN, các trường đào tạo nghề làm tốt công tác hướng nghiệp để định hướng cho HS sau khi tốt nghiệp THCS, các em được nâng cao nhận thức về các ngành nghề nên tỷ lệ HS tham gia học nghề trong các năm học khá cao.

3. Điểm yếu

Hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp chưa phong phú, đa dạng, chưa huy động được các nguồn xã hội hóa từ các tổ chức, cá nhân để nhà trường thực hiện tốt hoạt động trên.

Nhà trường mới chỉ phối hợp với các trường THPT, trường đào tạo nghề trong công tác hướng nghiệp, phân luồng cho HS, chưa phối hợp được với các công ty, các nhà máy trên địa bàn để thực hiện nhiệm vụ này.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|--|-----------------|--|---------------------|----------------|
| Xây dựng kế hoạch trải nghiệm hướng nghiệp với nội dung và hình thức đa dạng, phù hợp với nhà trường và địa phương để có thể huy động nguồn kinh phí thực hiện các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường. | Hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng, TTCM, Gv tham mưu xây dựng kế hoạch | Từ tháng 9/2024 | Không |
| Phổ biến rộng rãi kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường qua các kênh: cổng thông tin | CBQL, GV | Phù hợp với tình hình thực tế | Từ tháng 9/2024 | Không |

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|--|---------------------------------------|-------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| nhà trường, phát thanh của địa phương, thôn, khu, tuyên truyền trong các buổi họp CMHS, ... | | | | |
| Duy trì tốt công tác phối hợp với các trường THPT, trường nghề trong công tác hướng nghiệp. Có kế hoạch phối hợp với các công ty, xí nghiệp, nhà máy sản xuất trên địa bàn để thực hiện công tác hướng nghiệp cho HS. | Hiệu trưởng làm cầu nối, GV thực hiện | Phù hợp với tình hình thực tế | Trong năm học 2024-2025 | Không |

5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho HS

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục HS hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của HS, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho HS có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của HS từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn HS biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của HS từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, HS có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục hoạt động kỹ năng sống phù hợp với hoạt động của nhà trường, của địa phương và của ngành góp phần giáo dục HS hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập, điều kiện nhà trường và địa phương, chỉ đạo công tác giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống cho HS thông qua thực hiện dạy tích hợp trong các môn học như Lịch sử, Địa lí, Sinh học, Ngữ văn, Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm, hướng

nghiệp, Giáo dục địa phương,... được triển khai đồng bộ và xuyên suốt **[H8-1.8-01]; [H27-5.5-01]**

Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho HS có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục, trong các buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, sinh hoạt chi đội, tích hợp trong các bài giảng, hoạt động ngoài giờ lên lớp, các buổi ngoại khóa của trường đã thực hiện giáo dục các kỹ năng sống như: các kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm cho HS, kỹ năng lao động tham gia vệ sinh trường lớp, chăm sóc công trình măng non, vệ sinh đường làng ngõ xóm, chăm sóc di tích lịch sử tại địa phương. Nhà trường chú trọng giáo dục ý thức chấp hành luật giao thông, giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục quốc phòng an ninh, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho HS, phòng tránh tai nạn thương tích, phòng chống bạo lực học đường và các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường và việc thực hiện các quy định ứng xử có văn hóa, sử dụng mạng xã hội an toàn, đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau, ...**[H4-1.4-03];[H27-5.5-01]; [H5-1.5.2]**.

Đạo đức, lối sống của HS từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Nhà trường kết hợp với gia đình và địa phương quan tâm đến giáo dục việc hình thành, phát triển đạo đức và nhân cách của HS. Nhờ sự phối kết hợp của nhà trường và sự quan tâm giáo dục của gia đình mà trường THCS Yên Thanh không có HS vi phạm kỉ luật buộc thôi học, nhà trường không có HS bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không có HS vi phạm luật ATGT. Ngoài ra HS còn tích cực tham gia hoạt động của khu dân cư **[H1-1.1-02]; [H5-1.5-02]**.

Mức 2:

HS nhà trường biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện qua các hoạt động giáo dục **[H5-1.5-02]**.

Qua quá trình giáo dục và rèn luyện kỹ năng sống, nhiều HS đã biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn ở mức phát hiện được vấn đề, áp dụng kiến thức được học vào thực tiễn sinh hoạt hàng ngày ở gia đình, biết tự bảo vệ sức khỏe của bản thân và gia đình; có các kỹ năng để có thể giải quyết tình huống bất ngờ xảy ra; biết và chấp hành đúng pháp luật của nhà nước Việt Nam và có sức khỏe tốt, tích cực tham gia các hoạt động TDTT do lớp và trường và địa phương tổ chức **[H1-1.1-02]; [H27-5.5-01]**.

Mức 3:

Trong những năm qua, thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống bước đầu nhà trường đã có một số HS thực hiện nghiên cứu khoa học kỹ thuật, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, hoạt động giáo dục STEM tích cực, đã có một số sản phẩm đạt giải tại các cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng như: Giải Khuyến khích Hội thi nghiên cứu KHKT năm học 2019-2020; Giải Tư năm 2020-2021; Giải tiềm năng năm 2021-2022 và 2023-2024;

Giải Thân thiện với môi trường năm học 2022-2023; [H27-5.5-02]; [H27-5.5-03]; [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường triển khai có hiệu quả kế hoạch định hướng giáo dục HS hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi, khả năng học tập của HS, điều kiện nhà trường và địa phương. Quá trình trải nghiệm, rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho HS có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục đáp ứng chương trình GDPT 2018 phát triển phẩm chất, năng lực người học. Đạo đức, lối sống của HS từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của HS được hình thành và phát triển, bước đầu HS có khả năng nghiên cứu khoa học.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên vẫn còn lúng túng trong việc lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống vào bài giảng, phương pháp sử dụng để lồng ghép các nội dung giáo dục chưa linh hoạt, còn gượng ép, thiếu trải nghiệm thực tiễn nên hiệu quả còn hạn chế.

Số giáo viên có khả năng và tích cực trong hướng dẫn HS nghiên cứu khoa học chưa nhiều. Một số HS chưa thực sự chủ động trong vận dụng kiến thức liên môn giải quyết tình huống thực tiễn, chưa tích cực trong thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học theo hướng dẫn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|--|--------------------------|--|---------------------|----------------|
| Phối hợp với các tổ chức xã hội trong và ngoài nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ngoại khoá để giáo dục việc hình thành, phát triển kỹ năng sống cho HS. | Hiệu trưởng chủ trì | Phó hiệu trưởng, TTCM, GVCN tham mưu xây dựng kế hoạch | Từ tháng 9/2024 | Không |
| Cụ thể hóa lồng ghép giáo dục kỹ năng sống vào các tiết dạy, sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp... | CBQL, GV | Phù hợp với tình hình thực tế | Từ tháng 9/2024 | Không |
| Động viên giáo viên chủ động bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học và hướng dẫn HS nghiên cứu | Hiệu trưởng làm cầu nối, | Không | Trong năm học 2024- | Không |

| | | | | |
|---|--|-----------------------------|-------------------------|-------|
| khoa học. | GV thực hiện | | 2025 | |
| Có hình thức động viên, khen thưởng hợp lý, kịp thời đối với các GV, HS tích cực nghiên cứu KHKT. | Hiệu trưởng, Hội đồng thi đua, khen thưởng | Quy chế thi đua khen thưởng | Trong năm học 2024-2025 | Không |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm HS đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- b) Tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- c) Định hướng phân luồng cho HS đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của HS có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*
- b) Tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, HS.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng chỉ tiêu giáo dục phù hợp với kế hoạch chung của ngành, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, duy trì và phát huy kết quả giáo dục qua từng năm học, kết quả học lực, hạnh kiểm HS Hàng năm đạt yêu cầu so với chỉ tiêu kế hoạch đầu năm.

Công tác hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn và quan tâm tạo điều kiện để HS được đến trường được nhà trường chỉ đạo thường xuyên. Bên cạnh đó, nhà trường tích cực phối hợp với các tổ chức đoàn thể, các tổ chức cá nhân trong việc hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn, giúp HS có đủ điều kiện đến trường. Vì vậy, nhà trường có số HS bỏ học và HS lưu ban chiếm tỷ lệ thấp dưới 0.5%. Tỷ lệ HS chuyển lớp Hàng năm sau kiểm tra lại đạt từ 98,5% đến 100%. Tỷ lệ HS tốt nghiệp THCS hàng năm của nhà trường đạt 100% [H28-5.6-01]; [H1-1.1-02].

Thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS phổ thông giai đoạn 2018-2025”, công tác phân luồng HS sau tốt nghiệp THCS được

nhà trường chú trọng. Nhà trường đã tổ chức tốt giáo dục hướng nghiệp, phối hợp với các trường nghề như trường Cao đẳng Nghề xây dựng, Cao đẳng Nông - Lâm Đông Bắc, Cao đẳng than, khoáng sản, Cao đẳng công nghiệp và xây dựng,... tổ chức tư vấn cho các em HS, chỉ đạo GVCN lớp 9 phân tích, hướng dẫn, động viên cha mẹ HS cho con em chọn nghề phù hợp. Số HS được phân luồng học nghề đạt từ 6% -33% còn lại HS học tại các trường công lập, dân lập. nhà trường không còn HS nghỉ học ở nhà sau khi tốt nghiệp THCS [H28-5.6-02]; [H1-1.1-02].

Mức 2, 3

Biểu 1. Tỷ lệ xếp loại học lực và hạnh kiểm của HS

| Số liệu | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|--------------------------|
| Tỷ lệ HS xếp loại giỏi | 20,4% | 23,7% | 20,9% | 14,2% | 18,5% |
| Tỷ lệ HS xếp loại khá | 42,6% | 40% | 44,4% | 43,7% | 41,2% |
| Tỷ lệ HS xếp loại yếu kém | 0% | 0,26% | 0,7% | 0,7% | 2,9% (chưa kiểm tra lại) |
| Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm tốt | 67,2% | 78,6% | 78,5% | 77,2% | 76,2% |
| Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm khá | 32% | 20,3% | 19,5% | 20,1% | 21,2% |
| Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm trung bình | 0,6% | 1,2% | 2% | 2,7% | 2,6% |

Biểu 2: Tỷ lệ lên lớp và tốt nghiệp

| Số liệu | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2023 | Năm học 2023-2024 | Năm học 2023-2024 |
|----------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| Tổng số HS toàn trường | 481 | 523 | 558 | 602 | 595 |
| Tổng số HS lớp 9 | 110 | 105 | 119 | 132 | 148 |
| Tổng số HS tốt nghiệp THCS | 110 | 105 | 119 | 132 | 148 |
| Tỷ lệ học tốt nghiệp THCS | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Số lượng HS lưu ban | 0 | 1 | 3 | 4 | 0 (chưa kiểm tra lại) |
| Tỷ lệ HS lưu ban | 0% | 0,2% | 0,9% | 0,7% | 0% |
| Số HS bỏ học | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tỷ lệ HS bỏ học | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Kết quả học lực, hạnh kiểm của HS có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H1-1.1-02]; [H5-1.5-05].

Tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H1-1.1-02]; [H5-1.5-05]; [H28-5.6-01].

Nhà trường đã có những biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục (công tác đổi mới chương trình, phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn, dự giờ, trao đổi, rút kinh nghiệm...). Hằng năm, giáo viên của nhà trường thường xuyên chủ động đề xuất những giải pháp dạy học thông qua các sáng kiến kinh nghiệm nhằm đổi mới phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng HS [H1-1.1-02]; [H28-5.6-01]

Trong 5 năm học qua, nhà trường đã duy trì số lượng 13-15 lớp. Hàng năm không có HS bỏ học, tỉ lệ HS lưu ban dưới 02% [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Kết quả học lực, hạnh kiểm HS hàng năm luôn đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường, tỉ lệ HS lên lớp sau hè đều đạt trên 98%. Tốt nghiệp đạt 100% theo kế hoạch của nhà trường. Sau tốt nghiệp lớp 9, từ 90% đến 100% tiếp tục theo học THPT hoặc giáo dục thường xuyên, học nghề. Kết quả học lực, hạnh kiểm của HS có chuyển biến tích cực. Chất lượng đại trà của nhà trường trong những năm qua được duy trì, số lượng HS khá, giỏi ở một số năm học tăng.

3. Điểm yếu

Trong năm học vẫn còn một số ít HS do thiếu sự quan tâm của gia đình, bản thân chưa có ý thức tự giác học tập, còn lơ là học tập bị xếp loại học lực yếu. Nhiều bậc CMHS còn thiếu quan tâm tới con em, còn ỷ lại cho nhà trường nên hiệu quả của việc phối hợp giáo dục đạo đức có thời điểm chưa cao.

Số lượng giải HS giỏi các cấp còn thấp, một số năm chưa đạt chỉ tiêu của nhà trường đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|--|---|-------------------------------------|---------------------|----------------|
| <p>Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu kém sát với thực tế chất lượng HS hơn, rõ ràng nhiệm vụ của từng đối tượng, giao trách nhiệm cho giáo viên bộ môn cụ thể hơn.</p> <p>Quan tâm hơn đối với công tác bồi dưỡng HS giỏi, đặc biệt ở các môn là thế mạnh của nhà trường, chú trọng chất lượng hơn số lượng.</p> | Phó Hiệu trưởng, giáo viên cốt cán bộ môn | TTCM, Gv tham mưu xây dựng kế hoạch | Từ tháng 9/2024 | Không |

| | | | | |
|--|--|-----------------------------|-------------------------|------------------------------|
| Phối kết hợp với gia đình, nhà trường, địa phương làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục đạo đức cho HS. | CBQL, GVCN, Tổng phụ trách đội | Quy chế phối hợp | Trong năm học 2024-2025 | Không |
| Có hình thức động viên, khen thưởng hợp lý, kịp thời đối với các GV, HS đạt thành tích cao trong công tác ôn luyện, bồi dưỡng HSG. | Hiệu trưởng, Hội đồng thi đua, khen thưởng | Quy chế thi đua khen thưởng | Trong năm học 2024-2025 | Ngân sách chi cho chuyên môn |

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường thực hiện đúng, đủ chương trình, kế hoạch giáo dục, chỉ đạo thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá, và các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện tốt mục tiêu giáo dục toàn diện HS. Công tác tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đạt nhiều kết quả, đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Hàng năm, nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoài giờ chào mừng các ngày kỷ niệm, rèn kỹ năng sống cho HS. Công tác giáo dục địa phương được quan tâm và thực hiện giảng dạy theo đúng quy định của ngành.

Kết quả đánh giá xếp loại học lực và hạnh kiểm của HS đáp ứng được mục tiêu giáo dục và chất lượng ngày càng cao. Tỷ lệ học lực của HS đạt khá, giỏi Hàng năm đạt gần 60%, hạnh kiểm tốt, khá trên 98%.

Kết quả hoạt động giáo dục nghề phổ thông và hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho HS trong trường đáp ứng được yêu cầu quy định.

- Tự đánh giá:

- + Số tiêu chí đạt Mức 1,2: 6/6
- + Số tiêu chí đạt Mức 3: 4/4
- + Số tiêu chí không đạt: Không

C. TỰ ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: *Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng trên cơ sở đặc điểm của nhà trường, phù hợp với phương hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương [H8-1.8-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-04]; nhưng chưa có những nội dung tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng trên cơ sở đặc điểm của đơn vị, phù hợp với phương hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

3. Điểm yếu

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa tham khảo chương trình tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Dự kiến kinh phí | Nguồn kinh phí |
|---|--|--------------------------------|------------------------------------|------------------|----------------|
| Lãnh đạo nhà trường thông qua mạng internet, tham khảo nội dung chương trình tiên tiến của các nước trên thế giới để vận dụng từng bước những nội dung phù hợp với thực trạng của đơn vị nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. | Lãnh đạo nhà trường, Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, các cá nhân, tổ nhóm chuyên môn | Xây dựng kế hoạch theo năm học | Định kỳ đầu năm, cuối kỳ hàng năm. | Không | Không |

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2: *Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.*

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém, kế hoạch giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật, ...để giúp các em thực hiện mục tiêu giáo dục cá nhân [H5-1.5-02]; [H5-1.5-05];[H24-5.2-01];

Tuy nhiên, nhà trường mới giúp đỡ được học sinh khuyết tật học hòa nhập hoàn thành mục tiêu giáo dục cá nhân, chưa thực hiện được việc cho 100% học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân.

2. Điểm mạnh

Đa số giáo viên tích cực đổi mới phương pháp, tổ chức dạy học theo hướng phát huy năng khiếu học sinh, quan tâm, phối hợp cùng các tổ chức xã hội tạo điều kiện cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn được tham gia học tập tốt. Nhà

trường thường xuyên tổ chức chuyên đề, tạo điều kiện để giáo viên tổ chức dạy học theo năng lực, đối tượng học sinh.

3. Điểm yếu

Trường chưa giúp đỡ được nhiều những học sinh có hoàn cảnh khó khăn hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Dự kiến kinh phí | Nguồn kinh phí |
|--|--|--------------------------------|-------------------------|-------------------|----------------|
| Nhà trường xây dựng kế hoạch xin kinh phí để giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn hoàn thành mục tiêu giáo dục, ... | Lãnh đạo nhà trường, tổ nhóm chuyên môn, giáo viên | Xây dựng kế hoạch theo năm học | Trong năm học 2024-2025 | 10 triệu đồng/năm | Xã hội hóa |
| Tăng cường công tác phối kết hợp giữa gia đình, nhà trường, địa phương để tuyên truyền giáo dục đạo đức cho HS, vận động học sinh có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục ra lớp. | CBQL, GVCN, Tổng phụ trách đội | Quy chế phối hợp | Trong năm học 2024-2025 | Không | Không |

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3: Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Trong những năm học qua nhà trường đã có học sinh tham gia cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật và đã đạt được giải cấp thành phố [H27-5.5-02]; [H27-5.5-03].

Tuy nhiên, các sản phẩm nghiên cứu khoa học của học sinh nhà trường chất lượng chưa cao nên chỉ mới dừng lại tại cuộc thi cấp thành phố.

2. Điểm mạnh

Trường đã có học sinh tham gia hội thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật và đã đạt được giải cấp thành phố.

3. Điểm yếu

Các sản phẩm nghiên cứu khoa học của học sinh nhà trường chất lượng chưa cao nên chỉ mới dừng lại tại cuộc thi cấp thành phố.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Dự kiến kinh phí | Nguồn kinh phí |
|---|--|--------------------------------|---------------------|------------------------------|--|
| Nhà trường xây dựng kế hoạch, phát động phong trào và khuyến khích học sinh tham gia nghiên cứu khoa học kỹ thuật, tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ qua các hoạt động đó chọn những học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ,... | Lãnh đạo nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên | Xây dựng kế hoạch theo năm học | Trong năm học | 3 triệu đồng/sản phẩm | Nguồn ngân sách và hỗ trợ từ phụ huynh |
| Kịp thời khen thưởng, động viên giáo viên và học sinh có thành tích cao trong công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật. | Lãnh đạo nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn, cá nhân liên quan | Xây dựng kế hoạch theo năm học | Trong năm học | Theo quy chế chi tiêu nội bộ | Ngân sách Nhà nước, nguồn xã hội hóa, |

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Tiêu chí 4: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện của nhà trường đã được Sở GDĐT Quảng Ninh công nhận đạt Thư viện chuẩn. Máy tính của thư viện nhà trường được kết nối internet đường truyền tốc độ cao đáp ứng tốt nhu cầu tra cứu thông tin nghiên cứu tài nguyên trên mạng phục vụ hoạt động dạy học và các hoạt động khác của cán bộ quản lý,

giáo viên, nhân viên, học sinh [H20-3.6-01]. Thư viện trường còn ít học liệu số đáp ứng yêu cầu các hoạt động.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có thư viện được Sở GD&ĐT Quảng Ninh công nhận đạt Thư viện chuẩn, có máy tính kết nối internet đường truyền tốc độ cao đáp ứng tốt nhu cầu tra cứu thông tin nghiên cứu tài nguyên trên mạng phục vụ hoạt động dạy học và các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh nhà trường.

3. Điểm yếu

Nguồn học liệu số của thư viện nhà trường còn ít.

Thư viện nhà trường chưa được công nhận "Thư viện tiên tiến"

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Dự kiến kinh phí | Nguồn kinh phí |
|---|--|----------------------------------|----------------------|------------------|--------------------|
| Xây dựng kế hoạch để Thư viện nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trong 5 năm tới. | Lãnh đạo nhà trường, nhân viên thư viện | Kế hoạch giáo dục của nhà trường | Từ năm học 2024-2025 | | |
| Trang bị cơ sở vật chất, hệ thống máy tính, hệ thống mạng, khảo sát, sưu tầm, tham khảo danh mục các đầu sách phục vụ nhu cầu dạy, học và các hoạt động khác. Bổ sung nguồn học liệu số của Thư viện. | Lãnh đạo nhà trường, nhân viên thư viện, cá nhân liên quan | Kế hoạch giáo dục của nhà trường | Từ năm học 2024-2025 | 15 triệu đồng | Ngân sách Nhà nước |

Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm học 2019-2020 đến 2023-2024, nhà trường luôn hoàn thành tốt các chỉ tiêu và mục tiêu đề ra, các mục tiêu cụ thể như: Tỷ lệ xét tốt nghiệp đạt 100%, giáo viên giỏi cấp trường, cấp thành phố, cấp tỉnh, kết quả giáo dục học sinh cũng tăng hơn so với chu kỳ trước [H1-1.1-02];[H1-1.1-04]; [H1-1.1-08]; Cảnh quan sư phạm nhà trường ngày càng xanh, sạch, đẹp hơn, một số phòng học được lắp

đặt trang thiết bị hệ thống phòng học thông minh; các phòng học khác được trang bị bàn ghế, bảng chống loá, máy chiếu, ti vi, loa đài, ... một số lớp trang bị hệ thống camera an ninh giám sát. Tuy nhiên khu vực phục vụ môn học Giáo dục thể chất, các phòng học bộ môn chưa được đầu tư đầy đủ các hạng mục theo quy định đề ra [H15-3.1-03]; [H16-3.2-01]; [H16-3.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn đề ra mục tiêu, chiến lược ngắn hạn và dài hạn, các mục tiêu đó cũng được công khai và góp ý của các thành viên của nhà trường, được sự đồng thuận cao. Kế hoạch năm học Hàng năm cũng có sự điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

3. Điểm yếu

Một số mục tiêu nhà trường chưa đạt được theo kế hoạch đã đề ra như xây dựng nhà đa năng, cải tiến khu quản trị - hành chính, ...

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Dự kiến kinh phí | Nguồn kinh phí |
|--|---|---|-------------------------|------------------|--|
| Tiếp tục tham mưu với cơ quan chức năng, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, phụ huynh cùng nhà trường hoàn thành các hạng mục còn lại bằng nguồn ngân sách và có thể là một phần từ nguồn vốn xã hội hóa... | Lãnh đạo nhà trường, phụ huynh học sinh, giáo viên chủ nhiệm... | Kế hoạch phát triển giáo dục của nhà trường và địa phương | Trong năm học 2024-2025 | Chưa ước tính | Ngân sách Nhà nước, nguồn vốn xã hội hóa |

Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế- xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, kết quả giáo dục của nhà trường chưa vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế, xã hội tương đồng [H1-1.1-02]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Hầu hết các chỉ tiêu đề ra, nhà trường đều đạt và ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Nhà trường không có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường khác tương đồng và không được các cấp có thẩm quyền công nhận.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì, phát huy điểm mạnh ngày càng chất lượng hơn nữa, khắc phục điểm yếu cụ thể là:

| Công việc cần thực hiện | Người thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|---|---|------------------------|---------------------|--------------------|
| Tích cực tổ chức các hoạt động giao lưu, học hỏi kinh nghiệm những trường có thành tích cao trong giáo dục, công tác bồi dưỡng mũi nhọn | Lãnh đạo nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên,... | Từ năm học 2024-2025 | Trong năm học | Ngân sách Nhà nước |
| Phát động nhiều hơn các phong trào thi đua học tập, rèn luyện đối với học sinh; khen thưởng, động viên kịp thời giáo viên, học sinh có thành tích cao trong công tác bồi dưỡng mũi nhọn | Lãnh đạo nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên, ... | Từ năm học 2024-2025 | Trong năm học | Ngân sách Nhà nước |

5. Tự đánh giá: Không đạt

Kết luận về tự đánh giá các tiêu chí Mức 4

Nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường, và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên chương trình giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Trong các năm học qua, nhà trường có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đạt giải cấp thành phố nhưng rất ít và không thường xuyên.

Nhà trường đã có thư viện đạt chuẩn, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường, tuy nhiên nhà trường chưa đạt thư viện tiên tiến, nguồn tài liệu số còn chưa phong phú.

Tự đánh giá các tiêu chí Mức 4

+ Số tiêu chí đạt Mức 4: Không

+ Số tiêu chí không đạt Mức 4: 6/6 = 100%

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Đối chiếu với 5 tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ GDĐT Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Công văn số 5932/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ GDĐT tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông; Công văn 3106 ngày 23/11/2018 của Sở GDĐT Quảng Ninh V/v thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận chuẩn Quốc gia theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018; 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018; 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ GDĐT ban hành, trường THCS Yên Thanh tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường đã đạt được từ năm học năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024 như sau:

- Tiêu chuẩn 1: đạt 10 tiêu chí/ 10 tiêu chí.
- Tiêu chuẩn 2: đạt 04 tiêu chí/ 04 tiêu chí.
- Tiêu chuẩn 3: đạt 06 tiêu chí/ 06 tiêu chí.
- Tiêu chuẩn 4: đạt 02 tiêu chí/ 02 tiêu chí.
- Tiêu chuẩn 5: đạt 06 tiêu chí/ 06 tiêu chí.

Tổng cộng: đạt 28 tiêu chí/ 28 tiêu chí.

- Mức tự đánh giá của nhà trường: Đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá của trường THCS Yên Thanh về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường trung học. Nhà trường kính mong các cơ quan chủ quản, cấp ủy chính quyền địa phương, các thành viên trong Hội đồng đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của kiểm định chất lượng giáo dục nhà trường ngày càng hoàn thiện hơn.

Yên Thanh, ngày 30 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Phan Thị Bích Huệ

Phần IV: PHỤ LỤC